

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN GIA LAI
GIA LAI ELECTRICITY
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 31/2025/CBTT-GEC
No: 31/2025/CBTT-GEC

TP.HCM, ngày 26 tháng 8 năm 2025
HCMC, August 26th, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/State Securities Commission of Viet Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM/ Hochiminh Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

- Name of organization: **GIA LAI ELECTRICITY JOINT STOCK COMPANY**
- Mã chứng khoán/Stock code: GEG/GEG
- Mã trái phiếu/Bond code: GEG121022/GEG121022
- Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Address: 114 Truong Chinh Street, Pleiku Ward, Gia Lai Province
- Điện thoại liên hệ/Tel: (+84) 269 382 3604 Fax: (+84) 269 382 6365
- E-mail: ir.dir@geccom.vn

2. Các nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

- Công văn số 306/2025/CV-GEC ngày 25/8/2025/Official correspondence No. 306/2025/CV-GEC dated 25/8/2025
- Công văn số 307/2025/CV-GEC ngày 25/8/2025/Official correspondence No. 307/2025/CV-GEC dated 25/8/2025
- Công văn số 308/2025/CV-GEC ngày 25/8/2025/Official correspondence No. 308/2025/CV-GEC dated 25/8/2025
- Công văn số 309/2025/CV-GEC ngày 25/8/2025/Official correspondence No. 309/2025/CV-GEC dated 25/8/2025

3. Các Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/8/2025 tại đường dẫn <http://geccom.vn> mục Quan hệ Cổ đông - Công bố thông tin – Thông báo - 2025/ This information has been published at 26/8/2025, on <http://geccom.vn> section Investor Relations - Information Disclosure - Notification - 2025

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law. ✓

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN/
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**



PHẠM THÀNH TUẤN ANH

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN GIA LAI**

Số: 506/2025/CV-GEC
V/v: Công bố thông tin về tình hình thanh
toán gốc, lãi

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 25 tháng 08 năm 2025

Kính gửi:

- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
- NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Công ty Cổ phần Điện Gia Lai gửi nội dung công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Điện Gia Lai.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 09/09/2010, thay đổi lần thứ 24 ngày 17/09/2024.
- Địa chỉ trụ sở chính: 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
- Số điện thoại: (84) 26 9382 3604 Số fax giao dịch: (84) 26 9382 6365
- Địa chỉ thư điện tử: info@geccom.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện
- Mã số thuế: 5900181213

2. Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu: đề nghị báo cáo đối với tất cả các trái phiếu đang còn dư nợ tại thời điểm bắt đầu kỳ báo cáo (không bao gồm các thanh toán về mua lại/hoán đổi/chuyển đổi trái phiếu). Cụ thể:

a) Thông tin tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu định kỳ

- Kỳ báo cáo: 6 tháng (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025)
- Ngày thống kê: 30/06/2025
- Nội dung báo cáo:

Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu định kỳ của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối Ngày thống kê (đồng)	Trả lãi/ Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa **	Ngày thanh toán theo kế hoạch **	Ngày thanh toán thực tế **	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (*) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (*) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nếu cụ thể kết quả đàm phán)
1	GEGH2429001	100.000.000.000	90.000.000.000	Lãi	26/03/2025	26/03/2025	26/03/2025	9,5%	2.342.465.753	2.342.465.753	-	-	-	-
2	GEGH2429001	100.000.000.000	90.000.000.000	Lãi	26/06/2025	26/06/2025	26/06/2025	9,5%	2.394.520.548	2.394.520.548	-	-	-	-
3	GEGH2429001	100.000.000.000	90.000.000.000	Gốc (*)	26/06/2025	26/06/2025	26/06/2025		10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	-
4	GEGH2427002	200.000.000.000	200.000.000.000	Lãi	30/06/2025	30/06/2025	30/06/2025	10,0%	9.972.602.743	9.972.602.743				
5	GEGH2429003	200.000.000.000	200.000.000.000	Lãi	26/02/2025	26/02/2025	26/02/2025	9,5%	4.789.041.096	4.789.041.096				
6	GEGH2429003	200.000.000.000	200.000.000.000	Lãi	26/05/2025	26/05/2025	26/05/2025	9,5%	4.632.876.712	4.632.876.712				
7	GEG_BOND_2018_1	300.000.000.000	135.000.000.000	Lãi	27/06/2025	27/06/2025	27/06/2025	7,2%	5.929.643.835	5.929.643.835	-	-	-	-
8	GEG_BOND_2018_1	300.000.000.000	135.000.000.000	Gốc (**)	27/06/2025	27/06/2025	27/06/2025		30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-	-

(*) Mua lại trước hạn trái phiếu và đã thực hiện CBTT: 240/2025/CV-GEC và KQML/12382/GEGH2429001

(**) Mua lại trước hạn trái phiếu và đã thực hiện CBTT: 244/2025/CV-GEC và KQML/12411/GEG_BOND_2018_1

Ghi chú: **Ngày thanh toán danh nghĩa là ngày dự kiến trả lãi/trả gốc theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu;

Ngày thanh toán theo kế hoạch là ngày thanh toán danh nghĩa đã điều chỉnh theo lịch làm việc (theo nguyên tắc lấy ngày làm việc tiếp theo nếu ngày thanh toán danh nghĩa rơi vào ngày nghỉ);

Ngày thanh toán thực tế là ngày Tổ chức phát hành thực hiện thanh toán gốc/lãi cho người sở hữu trái phiếu.

(1) Số tiền phải thanh toán là tổng số tiền lãi hoặc gốc mà doanh nghiệp phát hành có nghĩa vụ phải trả đối với từng Ngày thanh toán danh nghĩa;

- (2) *Số tiền đã thanh toán đúng hạn là tổng số tiền lãi hoặc gốc mà doanh nghiệp phát hành đã thanh toán trước hoặc trong Ngày thanh toán theo kế hoạch tính tới hết Ngày thống kê;*
- (3) *Số tiền đã thanh toán chậm là tổng số tiền lãi hoặc gốc mà doanh nghiệp phát hành đã thanh toán nhưng sau Ngày thanh toán theo kế hoạch tính tới hết Ngày thống kê;*
- (4) *Số tiền chưa thanh toán là phần còn lại của Số tiền phải thanh toán trừ đi Số tiền thanh toán đúng hạn và Số tiền đã thanh toán chậm.*

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)


Võ Thị Kim Thùy

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Tân Xuân Hiến



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 307 /2025/CV-GEC

Gia Lai, ngày 25 tháng 08 năm 2025

V/v: Công bố thông tin về tình hình thực hiện
các cam kết với người sở hữu trái phiếu

Kính gửi: - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
- NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Công ty Cổ phần Điện Gia Lai gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu như sau:

- Thông tin về doanh nghiệp
 - Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI**
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 09/09/2010, thay đổi lần thứ 24 ngày 17/09/2024
 - Địa chỉ trụ sở chính: 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai
 - Số điện thoại: 0269 382 3604 - Số fax giao dịch: 0269 382 3635
 - Địa chỉ thư điện tử: info@geccom.vn
 - Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng
 - Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện
 - Mã số thuế: 5900181213
- Kỳ báo cáo: kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025).
- Tình hình thực hiện quy định về công bố thông tin theo từng mã trái phiếu đang còn dư nợ:

STT	Mã trái phiếu	Tình hình thực hiện công bố thông tin định kỳ	Tình hình thực hiện công bố thông tin về việc mua lại, hoán đổi, chuyển đổi, thực hiện quyền (nếu có)	Tình hình thực hiện công bố thông tin bất thường	Tình hình thực hiện công bố thông tin khác
1	GEG_BOND_2018_1	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
2	GEGH2429001	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
3	GEGH2427002	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
4	GEGH2429003	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ

- Tình hình thực hiện các cam kết khác theo từng mã trái phiếu đang còn dư nợ:

Doanh nghiệp phát hành công bố cụ thể về việc tuân thủ các cam kết của doanh nghiệp phát hành theo phương án phát hành và nội dung công bố thông tin trước đợt phát hành:

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Nội dung	Chi tiết nội dung	Kết quả tuân thủ
1	GEG_BOND_2018_1	29/06/2018	Mục đích phát hành	Thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Tổ chức phát hành. Cụ thể: (1) Đầu tư vào dự án Điện mặt trời Phong Điền; (2) Đầu tư vào dự án Điện mặt trời Krong Pa	Tuân thủ
			Tài sản bảo đảm	Dự án Điện mặt trời Krong pa, Dự án Thủy điện Ayun Thượng 1A, Dự án thủy điện Đăk Pi Hao 1	Tuân thủ
			Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu	TCPH thanh toán đầy đủ các kỳ thanh toán gốc/lãi đến hạn	Đủ; Đúng hạn
			Cam kết mua lại trước hạn	Mua lại vào Ngày Đáo Hạn; Mua lại trước hạn bắt buộc do phát sinh sự kiện vi phạm; Mua lại trước hạn theo cam kết của Tổ chức phát hành; Mua lại theo yêu cầu của Chủ sở hữu trái phiếu khi không bổ sung tài sản bảo đảm; Mua lại trước hạn trong trường hợp doanh nghiệp vi phạm quy định về phát hành trái phiếu, vi phạm phương án phát hành trái phiếu; Mua lại trước hạn trong trường hợp Tổ chức phát hành vi phạm các cam kết khác hoặc phát sinh các sự kiện mà bên mua trái phiếu đánh giá có thể tạo rủi ro: theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu	Tuân thủ
			Cam kết về chuyển đổi trái phiếu	Không áp dụng	Tuân thủ
			Các cam kết khác của doanh nghiệp phát hành	- Chỉ sử dụng số tiền thu được từ Trái phiếu cho mục đích được quy định tại Hợp đồng đặt mua trái phiếu; - Thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi, phí (nếu có) và các nghĩa vụ tài chính khác của Tổ chức phát hành phát sinh từ hoặc liên quan đến Trái phiếu phù hợp với các điều kiện trái phiếu này; - Cam kết sẽ mua lại Trái phiếu trước hạn theo quy định tại các Văn Kiện Trái Phiếu và Nghị Định 153; và - Tuân thủ các nghĩa vụ và thỏa thuận khác của mình trong Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.	Tuân thủ
2	GEGH2429001	26/06/2024	Mục đích phát hành	Toàn bộ số tiền thu được từ phát hành trái phiếu sẽ được dùng để cơ cấu lại một phần giá trị trái phiếu GEGH2124003 (mã giao dịch GEG12101), chi tiết như sau: - Ngày phát hành: 23/08/2021 - Ngày đáo hạn: 23/08/2024 - Tổng giá trị trái phiếu đang lưu hành (tính theo mệnh giá) tại ngày 21/05/2024: 300.000.000.000 VND.	Tuân thủ
			Tài sản bảo đảm/ bảo lãnh thanh toán	61.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An thuộc sở hữu của GEC. 20.804.891 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai thuộc sở hữu của GEC.	Tuân thủ
			Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu	TCPH thanh toán đầy đủ các kỳ thanh toán gốc/lãi đến hạn	Đủ; Đúng hạn

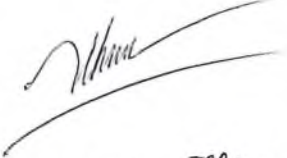
STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Nội dung	Chi tiết nội dung	Kết quả tuân thủ
			Cam kết mua lại trước hạn	Mua lại theo lịch trình: - Vào ngày tròn 12 tháng, 24 tháng, 36 tháng kể từ ngày phát hành, giá trị mua lại trái phiếu trước hạn 10 tỷ đồng. - Vào ngày tròn 48 tháng kể từ ngày phát hành, giá trị mua lại trái phiếu trước hạn 37 tỷ đồng Mua lại vào Ngày Đáo Hạn, Mua lại theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu, Mua lại bắt buộc do có Sự Kiện Vi Phạm: theo quy định tại Bản Công bố thông tin phát hành Trái phiếu	Tuân thủ
			Cam kết về chuyển đổi trái phiếu	Không áp dụng	Tuân thủ
			Các cam kết khác của doanh nghiệp phát hành	- Cam kết sử dụng vốn từ việc phát hành Trái phiếu đúng mục đích theo quy định tại Bản công bố thông tin và phương án phát hành trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi Trái phiếu khi đến hạn và đảm bảo việc thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) cho Người sở hữu trái phiếu; - Cam kết thực hiện công bố thông tin theo yêu cầu của pháp luật tại từng thời điểm và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin đã công bố; - Cam kết khi thực hiện cầm cố, thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào khác làm Tài Sản Bảo Đảm cho Trái Phiếu để thực hiện Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm. - Tuân thủ các nghĩa vụ và thỏa thuận khác của mình trong Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.	Tuân thủ
3	GEGH2427002	28/06/2024	Mục đích phát hành	Tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu sẽ được dùng cho mục đích cơ cấu lại nợ của Tổ Chức Phát Hành, cụ thể toàn bộ số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho một phần khoản gốc hoặc/lãi của trái phiếu mà Tổ Chức Phát Hành đã phát hành với mã GEGH2124003.	Tuân thủ
			Tài sản bảo đảm/bảo lãnh thanh toán	15.000.000 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng tái tạo VI-JA - Các tài sản thuộc dự án thủy điện H'chan mà Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai là chủ đầu tư cùng toàn bộ quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện mà Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai đã ký kết liên quan đến dự án H'chan	Tuân thủ
			Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu	TCPH thanh toán đầy đủ các kỳ thanh toán gốc, lãi đến hạn	Đủ; Đúng hạn
			Cam kết mua lại trước hạn	Mua lại vào Ngày Đáo Hạn; Mua lại Trái Phiếu trước hạn; Mua lại trước hạn theo yêu cầu của chủ sở hữu Trái Phiếu; Mua lại khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm: theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu	Tuân thủ
			Cam kết về chuyển đổi trái phiếu	Không áp dụng	Tuân thủ
			Các cam kết khác của doanh nghiệp	Sử dụng vốn từ việc phát hành Trái phiếu đúng mục đích theo quy định tại Bản công bố thông tin	Tuân thủ

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Nội dung	Chi tiết nội dung	Kết quả tuân thủ
			ngoại nghiệp phát hành	và phương án phát hành trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi Trái phiếu khi đến hạn và đảm bảo việc thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) cho chủ sở hữu trái phiếu; - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin đã công bố; - Cam kết sẽ mua lại Trái phiếu trước hạn theo quy định tại các Văn Kiện Trái Phiếu và Nghị Định 153; và - Tuân thủ các nghĩa vụ và thỏa thuận khác của mình trong Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.	
4	GEGH2429003	26/08/2024	Mục đích phát hành	Toàn bộ số tiền thu được từ phát hành trái phiếu sẽ được dùng để cơ cấu lại một phần giá trị trái phiếu GEGB2124002 (mã giao dịch GEG121022), chi tiết như sau: - Ngày phát hành: 11/10/2021 - Ngày đáo hạn: 11/10/2024 - Tổng giá trị trái phiếu đang lưu hành (tính theo mệnh giá) tại ngày 21/05/2024: 521.422.000.000 VND.	Tuân thủ
			Tài sản bảo đảm/bảo lãnh thanh toán	61.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An thuộc sở hữu của GEC 20.804.891 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai thuộc sở hữu của GEC	Tuân thủ
			Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu	TCPH thanh toán đầy đủ các kỳ thanh toán gốc/lãi đến hạn.	Đủ; Đúng hạn
			Cam kết mua lại trước hạn	Mua lại theo lịch trình: - Vào ngày tròn 12 tháng, 24 tháng, 36 tháng kể từ ngày phát hành, giá trị mua lại trái phiếu trước hạn 20 tỷ đồng. - Vào ngày tròn 48 tháng kể từ ngày phát hành, giá trị mua lại trái phiếu trước hạn 73 tỷ đồng Mua lại vào Ngày Đáo Hạn, Mua lại theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu, Mua lại bắt buộc do có Sự Kiện Vi Phạm : theo quy định tại Bản Công bố thông tin phát hành Trái phiếu	Tuân thủ
			Cam kết về chuyển đổi trái phiếu	Không áp dụng	Tuân thủ
			Các cam kết khác của doanh nghiệp phát hành	- Cam kết sử dụng vốn từ việc phát hành Trái phiếu đúng mục đích theo quy định tại Bản công bố thông tin và phương án phát hành trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi Trái phiếu khi đến hạn và đảm bảo việc thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) cho Người sở hữu trái phiếu; - Cam kết thực hiện công bố thông tin theo yêu cầu của pháp luật tại từng thời điểm và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin đã công bố; - Cam kết khi thực hiện cầm cố, thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào khác làm Tài Sản Bảo Đảm để thực hiện Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm. - Tuân thủ các nghĩa vụ và thỏa thuận khác của mình trong Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.	Tuân thủ

13
Y
IN
LAI
GIÁ

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)


Võ Thị Kim Hùng

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Cần Xuân Hiến



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 308/2025/CV-GEC

Gia Lai, ngày 25 tháng 08 năm 2025

V/v: Công bố thông tin về tình hình tài chính

**Kính gửi: - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
- NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU**

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Công ty Cổ phần Điện Gia Lai gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 09/09/2010, thay đổi lần thứ 24 ngày 17/09/2024
- Địa chỉ trụ sở chính: 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại: 0269 382 3604 - Số fax giao dịch: 0269 382 3635
- Địa chỉ thư điện tử: info@geccom.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện
- Mã số thuế: 5900181213

2. Tình hình tài chính

- Kỳ báo cáo: kỳ báo cáo 06 tháng đầu năm (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025).
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ báo (trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, các chỉ tiêu tài chính sử dụng số liệu theo báo cáo tài chính hợp nhất, đồng thời ghi rõ nguồn báo cáo):

Chỉ tiêu	30/06/2024	30/06/2025
1. Vốn chủ sở hữu (đồng)	5.870.302.438.965	6.496.848.142.186
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.054.494.010.000	4.225.083.710.000
- Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế	96.232.298.925	96.180.413.885
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	265.523.285.098	595.533.639.319
- Thặng dư vốn cổ phần	20.700.057.484	20.590.057.484
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1.433.352.787.458	1.559.460.321.498
2. Tổng số nợ phải trả (đồng)	10.193.402.305.877	8.688.615.254.343
- Nợ vay ngân hàng	8.450.930.042.052	7.852.858.267.081
- Nợ vay từ phát hành trái phiếu	1.280.069.450.834	619.493.735.478

Chỉ tiêu	30/06/2024	30/06/2025
+ Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước	759.374.400.000	619.493.735.478
+ Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước	520.695.050.834	-
+ Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế	-	-
- Nợ phải trả khác	462.402.812.991	216.263.251.784
+ Phải trả người bán ngắn hạn	78.850.755.989	11.873.130.587
+ Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.438.402.447	1.981.359.959
+ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	29.884.147.922	71.156.565.831
+ Phải trả người lao động	6.579.872	389.351.965
+ Chi phí phải trả ngắn hạn	48.813.025.455	28.678.856.781
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	57.869.766.406	70.782.622.941
+ Vay khác	211.671.279.999	81.279.999
+ Các khoản phải trả khác	33.868.854.901	31.320.083.721
3. Cơ cấu vốn (lần):		
- Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	0,63	0,57
- Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,74	1,34
4. Khả năng thanh toán (lần):		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	1,15	2,47
- Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho) / nợ ngắn hạn)	1,07	2,33
- Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)	1,39	3,3
5. Dư nợ trái phiếu đã phát hành/vốn chủ sở hữu (lần):		
- Hệ số tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/vốn chủ sở hữu	0,22	0,1
- Hệ số dư nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/vốn chủ sở hữu	0,13	0,1
6. Lợi nhuận (đồng):		
- Lợi nhuận/Lỗ trước thuế	157.944.923.399	789.386.094.257
- Lợi nhuận/Lỗ sau thuế trong năm tài chính	127.503.443.230	770.660.867.986
- Lỗ lũy kế (nếu có)		
7. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%):		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,79%	5,07%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2,17%	11,86%
8. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành (doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán...) (nếu có)	Không	Không

900181213
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HÀNG GIẢI
KHU - T. GI

Nguồn: Theo báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét năm 2025

3. Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2025 bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện:

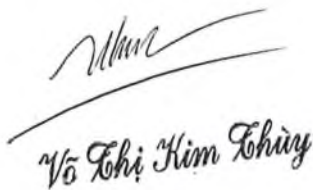
Tổ chức kiểm toán: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Ý kiến của đơn vị kiểm toán: "Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ."

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác, đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)


Võ Thị Kim Thùy

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Cần Xuân Hiến



Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 56

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 1 tháng 6 năm 2010 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 9 tháng 9 năm 2010. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được điều chỉnh gần nhất số 5900181213 cấp ngày 17 tháng 9 năm 2024 với mục đích cập nhật vốn điều lệ của Công ty.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 341/QĐ-SGDHCM ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Thông báo 1173/TB-SGDHCM ngày 10 tháng 9 năm 2019 của HOSE. Mã chứng khoán là GEG.

Hoạt động trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đắp đường và các công trình khác; tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ tư vấn kỹ thuật; và đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại số 114 Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam gồm năm (5) chi nhánh độc lập và hai (2) văn phòng đại diện, cụ thể như sau:

- Chi nhánh TTC Lâm Đồng tại Thôn 1, Xã Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Chư Prông tại số 268 Đường Hùng Vương, Xã Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Mang Yang tại Làng Ró, Xã Lơ Pang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Đăkpihao tại Quốc lộ 25, Thôn Thanh Thượng A, Xã Chư A Thai, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Thừa Thiên Huế tại số 189 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Việt Nam;
- Văn phòng đại diện TTC Hồ Chí Minh tại số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- Văn phòng đại diện TTC Hà Nội tại Nhà số 09, Ngõ 310, Ngách 22 Đường Nghi Tàm, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên độc lập	
Bà Nguyễn Thủy Vân	Thành viên độc lập	
Bà Phạm Thị Khuê	Thành viên độc lập	
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Eiji Hagio	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025
Ông Mark Houghton Scott Leslie	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025
Ông Simon Mark Wilson	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025
Ông Toshihiro Oki	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thùy Vân	Chủ tịch	
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Simon Mark Wilson	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025
Ông Eiji Hagio	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thái Hà	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Ông Nguyễn Phong Phú	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Tân Xuân Hiến.

Bà Nguyễn Thái Hà được Ông Tân Xuân Hiến ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định số 131/2024/QĐ-CT.HĐQT ngày 8 tháng 8 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 


Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc

Gia Lai, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11540951/69228882/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 15 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 56, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó vào ngày 15 tháng 8 năm 2024. Ngoài ra, báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng đã được doanh nghiệp kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 26 tháng 3 năm 2025.



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.751.807.765.411	1.381.711.542.204
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	473.549.350.030	163.717.707.072
111	1. Tiền		75.431.237.865	99.909.204.892
112	2. Các khoản tương đương tiền		398.118.112.165	63.808.502.180
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		236.500.000.000	239.400.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	236.500.000.000	239.400.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		914.018.215.370	823.295.838.075
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	677.665.635.469	414.935.591.105
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	22.414.028.970	20.528.704.499
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	25.420.000.000	242.320.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	189.336.259.566	146.329.251.106
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(817.708.635)	(817.708.635)
140	IV. Hàng tồn kho	10	105.104.270.467	118.822.621.030
141	1. Hàng tồn kho		141.853.431.467	155.571.782.030
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(36.749.161.000)	(36.749.161.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		22.635.929.544	36.475.376.027
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	7.413.455.186	21.465.141.796
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		14.584.937.128	14.876.028.582
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	637.537.230	134.205.649

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		13.433.655.631.118	13.791.844.798.232
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		168.557.946.073	29.387.889.833
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6	143.822.859.329	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	24.886.796.586	29.539.599.675
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(151.709.842)	(151.709.842)
220	II. Tài sản cố định		12.897.652.730.850	13.296.243.774.856
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	12.812.937.798.938	13.208.513.709.407
222	Nguyên giá		16.884.273.033.599	16.881.576.550.705
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.071.335.234.661)	(3.673.062.841.298)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	63.890.517.076	66.309.267.107
225	Nguyên giá		74.767.112.572	74.767.112.572
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(10.876.595.496)	(8.457.845.465)
227	3. Tài sản vô hình	13	20.824.414.836	21.420.798.342
228	Nguyên giá		39.381.555.527	39.381.555.527
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(18.557.140.691)	(17.960.757.185)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		278.924.634.105	268.369.957.402
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	278.924.634.105	268.369.957.402
250	IV. Khoản đầu tư tài chính dài hạn		53.658.442.225	173.517.461.623
252	1. Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết	15	53.658.442.225	173.517.461.623
260	V. Tài sản dài hạn khác		34.861.877.865	24.325.714.518
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	20.588.162.439	24.325.714.518
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	29.3	14.273.715.426	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		15.185.463.396.529	15.173.556.340.436

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.688.615.254.343	9.409.067.317.958
310	I. Nợ ngắn hạn		708.069.127.083	785.159.808.730
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	11.873.130.587	32.283.866.757
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.981.359.959	1.490.511.247
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	71.156.565.831	47.951.063.315
314	4. Phải trả người lao động		389.351.965	785.066.665
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	28.678.856.781	24.317.673.288
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		135.410.382	93.185.392
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	29.130.142.091	9.480.430.736
320	8. Vay ngắn hạn	22	493.941.686.546	596.947.078.982
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	70.782.622.941	71.810.932.348
330	II. Nợ dài hạn		7.980.546.127.260	8.623.907.509.228
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		149.999.998	277.272.726
337	2. Phải trả dài hạn khác		14.850.000	14.850.000
338	3. Vay dài hạn	22	7.978.491.596.012	8.596.078.933.882
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.3	-	25.605.398.335
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		1.889.681.250	1.931.054.285
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.496.848.142.186	5.764.489.022.478
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	6.496.848.142.186	5.764.489.022.478
411	1. Vốn cổ phần		4.225.083.710.000	4.225.083.710.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		3.583.083.710.000	3.583.083.710.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		642.000.000.000	642.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.590.057.484	20.700.057.484
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		96.180.413.885	96.180.413.885
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		595.533.639.319	83.075.403.683
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		79.047.840.394	9.111.150.106
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		516.485.798.925	73.964.253.577
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.559.460.321.498	1.339.449.437.426
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		15.185.463.396.529	15.173.556.340.436



Trương Nhật Thành
Người lập



Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng



Gia Lai, Việt Nam
Ngày 15 tháng 8 năm 2025

Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.737.094.997.154	1.226.847.658.317
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25, 28	(638.116.324.079)	(596.763.272.735)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.098.978.673.075	630.084.385.582
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	127.278.801.630	18.495.846.604
22	5. Chi phí tài chính	26	(359.684.634.652)	(414.457.657.388)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(342.811.633.942)	(405.153.864.033)
24	6. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết	15	4.160.081.845	(2.653.684.401)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27, 28	(82.128.744.847)	(72.633.176.786)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		788.604.177.051	158.835.713.611
31	9. Thu nhập khác		1.288.662.994	1.406.568.390
32	10. Chi phí khác		(506.745.788)	(2.297.358.602)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác		781.917.206	(890.790.212)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		789.386.094.257	157.944.923.399
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.2	(58.604.340.032)	(27.344.904.693)
52	14. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	29.3	39.879.113.761	(3.096.575.476)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		770.660.867.986	127.503.443.230
61	16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		544.061.594.937	111.122.239.053
62	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		226.599.273.049	16.381.204.177
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.5	1.412	255
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23.5	1.412	255

Trương Nhật Thành
Người lập

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng



Gia Lai, Việt Nam
Ngày 15 tháng 8 năm 2025

Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		789.386.094.257	157.944.923.399
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12, 13	401.934.268.791	402.986.326.406
03	Dự phòng trích lập		16.890.715	36.639.467.000
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(53.748.588)	(43.121.097)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(131.515.752.026)	(15.759.916.645)
06	Chi phí lãi vay	26	343.819.000.606	407.410.379.036
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.403.586.753.755	989.178.058.099
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(488.256.609.307)	29.925.589.472
10	Tăng hàng tồn kho		13.718.350.563	7.968.355.564
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		793.471.800	(2.372.747.067)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		19.874.211.449	(16.079.833.657)
14	Tiền lãi vay đã trả		(347.177.141.528)	(407.890.580.879)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(33.407.358.452)	(42.895.812.510)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(19.796.947.035)	(15.317.440.169)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		549.334.731.245	542.515.588.853
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(16.285.773.827)	(50.180.604.982)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		409.090.909	39.563.309.147
23	Tiền chi cho vay		(3.500.000.000)	(5.120.211.262)
24	Tiền thu hồi cho vay		223.300.000.000	10.000.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		236.153.026.352	-
27	Tiền thu lãi cho vay và cổ tức		42.263.773.961	10.391.848.299
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		482.340.117.395	4.654.341.202

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được	22	73.034.094.803	413.574.160.125
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	22	(788.221.745.977)	(606.946.673.674)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	22	(6.412.445.796)	(2.047.845.690)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(296.857.300)	62.355.300
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(721.896.954.270)	(195.358.003.939)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		309.777.894.370	351.811.926.116
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		163.717.707.072	229.105.088.949
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		53.748.588	43.121.097
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	473.549.350.030	580.960.136.162

Gia Lai, Việt Nam
Ngày 15 tháng 8 năm 2025


 Trương Nhật Thành
Người lập


 Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng


 Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 1 tháng 6 năm 2010 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 9 tháng 9 năm 2010. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được điều chỉnh gần nhất số 5900181213 cấp ngày 17 tháng 9 năm 2024 với mục đích cập nhật vốn điều lệ của Công ty.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 341/QĐ-SGDHCM ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Thông báo 1173/TB-SGDHCM ngày 10 tháng 9 năm 2019 của HOSE. Mã chứng khoán là GEG.

Hoạt động trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đắp đường và các công trình khác; tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ tư vấn kỹ thuật; và đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại số 114 Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam gồm năm (5) chi nhánh độc lập và hai (2) văn phòng đại diện, cụ thể như sau:

- Chi nhánh TTC Lâm Đồng tại Thôn 1, Xã Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Chư Prông tại số 268 Đường Hùng Vương, Xã Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Mang Yang tại Làng Ró, Xã Lơ Pang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Đăkpihao tại Quốc lộ 25, Thôn Thanh Thượng A, Xã Chư A Thai, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Thừa Thiên Huế tại số 189 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Việt Nam;
- Văn phòng đại diện TTC Hồ Chí Minh tại số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- Văn phòng đại diện TTC Hà Nội tại Nhà số 09, Ngõ 310, Ngách 22 Đường Nghi Tàm, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 500 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 501).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp, một (1) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết (tại 31 tháng 12 năm 2024: mười hai (12) công ty con trực tiếp, một (1) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết) như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

		Địa điểm	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu theo vốn điều lệ (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
				Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
(a) Công ty con trực tiếp							
1.	Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Sản xuất và phân phối điện	62,53	62,53	62,53	62,53
2.	Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An	Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất và phân phối điện	99,92	99,92	99,92	99,92
3.	Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiên Giang	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và phân phối điện	54,93	54,93	54,93	54,93
4.	Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và phân phối điện	99,96	99,96	99,96	99,96
5.	Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	Tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất và phân phối điện	88,84	88,84	99,98	99,98
6.	Công ty Cổ phần Điện gió Ia Bang	Tỉnh Gia Lai	Sản xuất và phân phối điện	84,72	84,72	99,53	99,53
7.	Công ty TNHH Một thành viên Thủy Điện Thượng Lộ	Thành Phố Huế	Sản xuất và phân phối điện	100,00	100,00	100,00	100,00
8.	Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng tái tạo Vi-Ja	Thành Phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và phân phối điện	99,00	99,00	99,00	99,00
9.	Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tiên Giang (*)	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và phân phối điện	99,71	99,71	99,71	99,71
10.	Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật điện có liên quan	100,00	100,00	100,00	100,00
11.	Công ty Cổ phần Năng lượng Xanh Cà Mau (*)	Tỉnh Cà Mau	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	95,00	95,00	95,00	95,00
12.	Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tân Thành (*) (i)	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và phân phối điện	98,84	96,15	98,84	96,15
(b) Công ty con gián tiếp							
1.	Công ty Cổ phần Năng lượng điện Cao Nguyên	Tỉnh Đắk Lắk	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	99,00	99,00	99,99	99,99
(c) Công ty liên kết							
1.	Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú (i) ("Trường Phú")	Thành Phố Huế	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	-	25,09	-	25,09
2.	Công ty Cổ phần Năng lượng Solwind ("Solwind")	Thành Phố Hồ Chí Minh	Hoạt động tư vấn và quản lý điện có liên quan	49,99	49,99	49,99	49,99

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

1. THÔNG TIN CÔNG TY (TIẾP THEO)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 26 tháng 5 năm 2025, Tập đoàn đã góp vốn thêm 12.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tân Thành, tăng phần sở hữu từ 96,15% thành 98,84% vào ngày này giá trị ghi sổ của phần sở hữu tăng thêm là 11.997.657.127 VND. Chênh lệch giữa vốn góp và giá trị ghi sổ của phần sở hữu tăng thêm được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- (ii) Theo trích yếu Nghị quyết HĐQT số 8A/2025/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2025, đã phê duyệt Tập đoàn chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú ("Trường Phú") - công ty liên kết tương ứng 13.400.000 cổ phần chiếm 25,09% vốn điều lệ của Trường Phú. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng Công ty liên kết này.
- (*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty chưa góp đủ vốn vào các công ty con này. Chi tiết cam kết góp vốn được trình bày tại Thuyết minh số 32.2.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

2.3 **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 **Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
----------------------------------	---

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	giá gốc hàng hóa áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.
--------------------------------------	--

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Các quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ khi Tập đoàn nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 48 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 30 năm
Thiết bị quản lý	3 - 15 năm
Quyền sử dụng đất	22 - 50 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Tài sản khác	1 - 20 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn, và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian với các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC (ngày 25 tháng 4 năm 2013), khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

► Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

► Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và truyền tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi cho vay và tiền gửi ngân hàng

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	-	31.086.305
Tiền gửi ngân hàng	75.431.237.865	99.878.118.587
Các khoản tương đương tiền (*)	398.118.112.165	63.808.502.180
TỔNG CỘNG	473.549.350.030	163.717.707.072

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá (3) tháng và hưởng lãi suất từ 1,5%/năm đến 4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Số dư cuối kỳ bao gồm các khoản tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có thời hạn gốc từ (3) tháng đến (12) tháng và hưởng lãi suất từ 2,8%/năm đến 4,5%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	677.665.635.469	414.935.591.105
Phải thu từ các bên khác	660.543.108.503	412.415.831.021
- Công ty Mua Bán Điện	579.783.521.379	311.033.382.648
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	58.813.986.643	85.605.001.322
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	11.931.011.776	7.240.190.682
- Khác	10.014.588.705	8.537.256.369
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	17.122.526.966	2.519.760.084
Dài hạn	143.822.859.329	-
Phải thu từ các bên khác	143.822.859.329	-
- Công ty Mua Bán Điện	143.822.859.329	-
TỔNG CỘNG	821.488.494.798	414.935.591.105

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Trả trước cho các bên khác	21.037.738.170	20.329.154.499
- Công ty TNHH Sao Tháng Bảy Việt Nam	6.773.103.060	6.773.103.060
- Công ty TNHH Thiết bị Điện Đông Nam	3.234.686.000	3.234.686.000
- Các nhà cung cấp khác	11.029.949.110	10.321.365.439
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	1.376.290.800	199.550.000
TỔNG CỘNG	22.414.028.970	20.528.704.499

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 30)	25.420.000.000	242.320.000.000
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín (i)	22.420.000.000	54.420.000.000
Công ty Cổ phần Điện Gió LaVi (ii)	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	-	180.900.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng sạch Ninh Thuận	-	4.000.000.000
TỔNG CỘNG	25.420.000.000	242.320.000.000

- (i) Phải thu về cho vay đối với Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín ("Sơn Tín") bao gồm các khoản cho vay hưởng lãi suất từ 9,5%/năm đến 10%/năm với mục đích bổ sung vốn lưu động cho bên đi vay. Các khoản cho vay này có thời hạn thanh toán ban đầu vào tháng 4, tháng 11 năm 2019 và tháng 10 năm 2022. Để đảm bảo khả năng thu hồi, các khoản cho vay này đã được Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một công ty liên quan, bảo lãnh sẽ thanh toán nếu Sơn Tín không có khả năng thanh toán đến hết tháng 12 năm 2025. Ngoài ra, căn cứ Biên bản Cam kết ký ngày 1 tháng 3 năm 2023, Sơn Tín đã cam kết trả nợ tối thiểu theo lịch thanh toán từng năm. Sơn Tín đã thanh toán thêm cho Tập đoàn 32 tỷ đồng, hoàn tất thanh toán theo cam kết trả nợ tối thiểu trong kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025. Số dư còn lại của khoản cho vay này được Sơn Tín cam kết sẽ thanh toán trong năm 2025.
- (ii) Phải thu về cho vay ngắn hạn đối với Công ty Cổ phần Điện gió Lavi bao gồm các khoản cho vay tín chấp ngắn hạn, hưởng lãi suất 8,5%/năm với mục đích bổ sung vốn lưu động của bên đi vay. Khoản cho vay này đến hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	189.336.259.566	146.329.251.106
Tạm ứng nhân viên (i)	156.901.787.498	90.996.449.331
Phải thu lãi tiền gửi và lãi cho vay	15.356.210.345	42.772.244.238
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo hành (ii)	6.412.676.704	-
Ký quỹ thực hiện dự án (iii)	5.795.000.000	5.795.000.000
Khác	4.870.585.019	6.765.557.537
Dài hạn	24.886.796.586	29.539.599.675
Ký quỹ thực hiện dự án (iii)	10.087.800.000	10.087.800.000
Ký quỹ thuê tài chính	7.702.575.000	8.362.575.000
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo hành (ii)	3.126.527.834	6.412.676.704
Ký quỹ khác	613.204.382	629.166.262
Khác	3.356.689.370	4.047.381.709
TỔNG CỘNG	214.223.056.152	175.868.850.781

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn từ bên liên quan (TM 30)	13.349.542.467	38.491.723.297
Phải thu dài hạn từ bên liên quan (TM 30)	498.204.382	498.204.382
Phải thu từ các bên khác	200.375.309.303	136.878.923.102

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

- (i) Tạm ứng cho cho nhân viên để phục vụ hoạt động phát triển kinh doanh của Tập đoàn.
- (ii) Ký quỹ bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ bảo hành bởi Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Tái tạo Năng lượng Vi-Ja theo Hợp đồng cung cấp và lắp đặt thiết bị số 01/2024/HĐKT/VIJA-LAVI ngày 18 tháng 1 năm 2024, 14/2023/HĐKT/VIJA-LAVI ngày 28 tháng 9 năm 2023, 03/2024/HĐKT/VIJA-LAVI ngày 16 tháng 9 năm 2024 và 01/2025/HĐKT/VIJA-LAVI ngày 2 tháng 1 năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Tái tạo Năng lượng Vi-Ja và Công ty Cổ phần Điện gió Lavi. Khoản ký quỹ này sẽ được hoàn lại cho Tập đoàn khi hết thời hạn bảo lãnh vào ngày 26 tháng 6 năm 2026, ngày 15 tháng 5 năm 2027 và ngày 24 tháng 6 năm 2027.
- (iii) Các khoản ký quỹ để bảo đảm thực hiện các dự án của Tập đoàn được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về thời gian hoàn tất dự án và thu hồi các khoản ký quỹ này.

10. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	84.644.447.943	(36.749.161.000)	92.719.287.760	(36.749.161.000)
Nguyên liệu, vật liệu	36.748.560.917	-	42.849.825.249	-
Công cụ, dụng cụ	18.611.173.023	-	16.494.763.094	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.763.385.013	-	3.422.041.356	-
Thành phẩm	85.864.571	-	85.864.571	-
TỔNG CỘNG	141.853.431.467	(36.749.161.000)	155.571.782.030	(36.749.161.000)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trình bày như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Đầu kỳ	36.749.161.000	-
Tăng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	36.749.161.000
Cuối kỳ	36.749.161.000	36.749.161.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	3.955.068.436.975	9.994.191.686.733	2.531.265.104.186	243.654.003.352	157.397.319.459	16.881.576.550.705
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	429.000.000	429.000.000
Mua mới trong kỳ	-	755.412.000	1.540.132.364	921.580.000	-	3.217.124.364
Tặng khác	-	333.915.751	-	-	-	333.915.751
Thanh lý	-	-	(636.363.636)	-	-	(636.363.636)
Giảm khác	-	(647.193.585)	-	-	-	(647.193.585)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	3.955.068.436.975	9.994.633.820.899	2.532.168.872.914	244.575.583.352	157.826.319.459	16.884.273.033.599
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	55.134.377.570	25.296.383.974	12.723.902.866	11.845.723.719	30.904.889.337	135.905.277.466
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	974.965.740.770	2.148.737.594.633	366.797.067.661	93.034.054.486	89.528.383.748	3.673.062.841.298
Khấu hao trong kỳ	80.311.291.222	252.766.825.323	51.564.033.243	11.286.204.929	2.990.780.537	398.919.135.254
Thanh lý	-	-	(601.277.731)	-	-	(601.277.731)
Giảm khác	-	(45.464.160)	-	-	-	(45.464.160)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	1.055.277.031.992	2.401.458.955.796	417.759.823.173	104.320.259.415	92.519.164.285	4.071.335.234.661
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.980.102.696.205	7.845.454.092.100	2.164.468.036.525	150.619.948.866	67.868.935.711	13.208.513.709.407
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	2.899.791.404.983	7.593.174.865.103	2.114.409.049.741	140.255.323.937	65.307.155.174	12.812.937.798.938
Trong đó:						
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 22)	2.645.505.982.340	7.463.505.031.191	2.116.715.208.681	112.337.463.747	71.473.664.063	12.409.537.350.022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

Máy móc

Nguyên giá:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2025	74.767.112.572
---	----------------

Giá trị hao mòn lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	8.457.845.465
Hao mòn trong kỳ	2.418.750.031
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	10.876.595.496

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	66.309.267.107
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	63.890.517.076

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 30 tháng 6 năm 2025	25.619.130.441	13.590.685.902	171.739.184	39.381.555.527
<i>Trong đó:</i>				
Đã hao mòn hết	-	11.765.143.217	171.739.184	11.936.882.401
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.964.965.267	12.824.052.734	171.739.184	17.960.757.185
Hao mòn trong kỳ	453.091.848	143.291.658	-	596.383.506
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	5.418.057.115	12.967.344.392	171.739.184	18.557.140.691
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	20.654.165.174	766.633.168	-	21.420.798.342
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	20.201.073.326	623.341.510	-	20.824.414.836
<i>Trong đó:</i>				
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 22)	11.201.646.947	-	-	11.201.646.947

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dự án Đức Huệ - Long An 2 (i)	236.144.938.291	236.077.171.149
Dự án Thủy điện Ea Tih (ii)	24.605.291.152	18.292.250.117
Dự án VPL Bến Tre	6.534.458.260	2.964.384.993
Các dự án khác	11.639.946.402	11.036.151.143
TỔNG CỘNG	278.924.634.105	268.369.957.402

- (i) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 05/2019/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An ngày 4 tháng 1 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua chủ trương đầu tư Dự án điện mặt trời Đức Huệ - Long An 2 với công suất thiết kế 49MWp và tổng mức đầu tư ước tính là 947 tỷ đồng. Theo Công văn của Thủ Tướng Chính phủ số 1632/TTg-CN ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc bổ sung danh mục các dự án điện mặt trời vào quy hoạch phát triển điện lực, Dự án điện mặt trời Đức Huệ - Long An 2 đã được bổ sung vào danh mục các dự án điện mặt trời và lưới điện đấu nối vào quy hoạch điện VIII điều chỉnh để triển khai thực hiện theo cơ chế đấu thầu phát triển điện mặt trời được cấp có thẩm quyền ban hành. Theo Quyết định số 4761/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2025, Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. Theo đó, Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Đức Huệ - Long An 2 sẽ do Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An làm chủ đầu tư (trước đây là Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời TTC Đức Huệ - Long An làm chủ đầu tư).
- (ii) Thực hiện theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông số 05/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng Tái Tạo Vija ngày 14 tháng 07 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua chủ trương thực hiện dự án Thủy Điện Ea Tih với công suất quy hoạch 8,6Mw và tổng mức đầu tư dự kiến là 290 tỷ đồng. Theo Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 và Quyết định điều chỉnh số 981/QĐ-UBND, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp thuận chủ trương đầu tư và đồng thời chấp thuận nhà đầu tư mới. Theo đó, Dự án Nhà máy Thủy Điện Ea Tih sẽ do Công ty Cổ phần Năng lượng Điện Cao Nguyên làm chủ đầu tư.

Không có chi phí lãi vay được vốn hóa trong kỳ.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

	VND		
	Giá trị đầu tư vào		
	Trường Phú	Solwind	Tổng cộng
Giá trị đầu tư:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	93.800.000.000	49.990.000.000	143.790.000.000
Thanh lý khoản đầu tư	(93.800.000.000)	-	(93.800.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	49.990.000.000	49.990.000.000
Phần lũy kế lợi nhuận/(lỗ) sau khi mua công ty liên kết:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	27.226.987.133	2.500.474.490	29.727.461.623
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	2.992.114.110	1.167.967.735	4.160.081.845
Thanh lý khoản đầu tư	(30.219.101.243)	-	(30.219.101.243)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	3.668.442.225	3.668.442.225
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	121.026.987.133	52.490.474.490	173.517.461.623
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	53.658.442.225	53.658.442.225

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết này chưa được xem xét và xác định chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	7.413.455.186	21.465.141.796
Chi phí sửa chữa	3.884.672.733	12.919.727.062
Bảo hiểm	1.560.971.545	5.629.920.836
Khác	1.967.810.908	2.915.493.898
Dài hạn	20.588.162.439	24.325.714.518
Tiền thuê đất trả trước	6.792.909.773	6.915.901.109
Chi phí cải tạo nhà máy và sửa chữa TSCĐ	5.793.880.044	8.068.268.865
Bảo hiểm	4.590.416.691	5.165.416.689
Công cụ dụng cụ và thiết bị văn phòng	1.061.623.237	1.217.950.391
Khác	2.349.332.694	2.958.177.464
TỔNG CỘNG	28.001.617.625	45.790.856.314

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải trả cho các bên khác	11.077.646.587	31.683.866.757
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật 29	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Nhật Quang	1.205.176.815	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1	-	20.454.366.566
- Các nhà cung cấp khác	6.872.469.772	8.229.500.191
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	795.484.000	600.000.000
TỔNG CỘNG	11.873.130.587	32.283.866.757

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Lãi vay	11.955.127.818	16.320.635.404
Khác	16.723.728.963	7.997.037.884
TỔNG CỘNG	28.678.856.781	24.317.673.288

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

19. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ tức ưu đãi phải trả	19.260.000.000	-
Cổ tức phải trả	4.059.708.502	4.135.191.402
Phải trả quỹ bảo vệ môi trường rừng	1.297.918.728	1.580.070.208
Khác	4.512.514.861	3.765.169.126
TỔNG CỘNG	29.130.142.091	9.480.430.736

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	12.960.107.052	139.982.200.254	(140.986.787.045)	11.955.520.261
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.452.119.675	58.639.781.771	(33.237.358.452)	54.854.542.994
Thuế tài nguyên	3.512.481.338	8.252.406.287	(8.518.753.996)	3.246.133.629
Thuế thu nhập cá nhân	2.026.265.482	3.922.522.193	(4.848.498.251)	1.100.289.424
Các loại thuế và phí khác	89.768	8.732.196.673	(8.732.206.918)	79.523
TỔNG CỘNG	47.951.063.315	219.529.107.178	(196.323.604.662)	71.156.565.831
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	25.302.995	-	25.302.995
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	170.000.000	-	170.000.000
Các loại thuế và phí khác	134.205.649	323.028.586	(15.000.000)	442.234.235
TỔNG CỘNG	134.205.649	518.331.581	(15.000.000)	637.537.230

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	71.810.932.348	68.886.056.526
Trích từ LNST chưa phân phối (Thuyết minh số 23)	18.710.373.878	4.301.150.049
Sử dụng quỹ trong kỳ	(19.738.683.285)	(15.317.440.169)
Số cuối kỳ	70.782.622.941	57.869.766.406

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Phân loại lại	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	596.947.078.982	23.034.094.803	(728.334.191.773)	602.294.704.534	493.941.686.546
Vay ngân hàng					
(Thuyết minh số 22.1)	38.219.574.140	23.034.094.803	(42.928.844.358)	-	18.324.824.585
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả					
(Thuyết minh số 22.2)	274.231.333.332	-	(427.402.901.619)	542.302.901.619	389.131.333.332
Trái phiếu phát hành đến hạn trả					
(Thuyết minh số 22.3)	60.000.000.000	-	(40.000.000.000)	55.000.000.000	75.000.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả					
(Thuyết minh số 22.4)	12.824.891.511	-	(6.412.445.796)	4.991.802.915	11.404.248.630
Vay dài hạn bên thứ ba đến hạn trả (*)	211.590.000.000	-	(211.590.000.000)	-	-
Khác	81.279.999	-	-	-	81.279.999
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	8.596.078.933.882	51.007.366.664	(66.300.000.000)	(602.294.704.534)	7.978.491.596.012
Vay ngân hàng					
(Thuyết minh số 22.2)	7.965.419.909.615	50.000.000.000	(66.300.000.000)	(542.302.901.619)	7.406.817.007.996
Trái phiếu phát hành					
(Thuyết minh số 22.3)	598.486.368.814	1.007.366.664	-	(55.000.000.000)	544.493.735.478
Nợ thuê tài chính					
(Thuyết minh số 22.4)	32.172.655.453	-	-	(4.991.802.915)	27.180.852.538
TỔNG CỘNG	9.193.026.012.864	74.041.461.467	(794.634.191.773)	-	8.472.433.282.558

(*) Đây là khoản vay với Micro, Small & Medium Enterprises Bonds S.A với mục đích sử dụng toàn bộ vốn vay để đầu tư vào các dự án xanh đủ điều kiện bao gồm dự án Tân Phú Đông 1 và các dự án xanh đủ điều kiện khác với lãi suất 9.5% năm. Tại ngày 30 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn tất thủ tục thanh toán khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

22. VAY (tiếp theo)

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngắn hạn các ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Mục đích vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển Việt Nam ("BIDV")	12.175.862.799	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho sản xuất điện	Từ ngày 2 tháng 2 đến ngày 12 tháng 3 năm 2026	Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất cho vay của BIDV	Tài sản gắn liền trên đất tại số đất 257, 258, Tờ bản đồ số 01 Diên Lộc, Phong Điền, Thành phố Huế và máy móc thiết bị (<i>Thuyết minh 11</i>)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương ("Vietcombank") - Chi nhánh Gia Lai	6.148.961.786	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho sản xuất điện	Kỳ hạn trả gốc của khoản vay này là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất cho vay của Vietcombank	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 22/2023/IBE-VCB ngày 10 tháng 8 năm 2023 - STK 1039981416 kỳ hạn 12 tháng và hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 15/08/2023/TGKH.VCB (<i>Thuyết minh 5</i>)
TỔNG CỘNG	18.324.824.585				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

22. VAY (tiếp theo)

22.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Mục đích vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai					
	2.930.000.000.000	Thanh toán cho chi phí hợp lý liên quan đến Dự án Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1 công suất 100 MW	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2026 đến ngày 16 tháng 6 năm 2036	Lãi suất cố định 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,9%/năm. Lãi suất từ năm thứ 3 trở đi được tính bằng lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam với kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Vietcombank – Chi nhánh Gia Lai cộng với mức biên là 3,1%/năm	Toàn bộ máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các động sản khác thuộc về hoặc liên quan đến Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1 (công suất 100 MW) (Thuyết minh 11) và các khoản tiền gửi (Thuyết minh 5)
	1.483.000.000.000	Thanh toán cho chi phí hợp lý liên quan đến Dự án Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 2 công suất 50 MW	Từ ngày 5 tháng 4 năm 2026 đến ngày 15 tháng 6 năm 2035	Lãi suất cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8%/năm. Sau đó, lãi suất được định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam với thời hạn 12 tháng do Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai thông báo cộng biên lãi suất 3%/năm	Toàn bộ máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các động sản khác thuộc về hoặc liên quan đến Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 2 (công suất 50 MW) (Thuyết minh 11) và các khoản tiền gửi (Thuyết minh 5)
	989.000.000.000	Đầu tư vào dự án Nhà máy Điện gió la Bang 1	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2026 đến ngày 5 tháng 2 năm 2035	Lãi suất cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8%/năm. Sau đó, lãi suất được định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam với thời hạn 12 tháng do Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai thông báo cộng biên lãi suất 3%/năm	Quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị của Nhà máy điện Gió la Bang 1, Nhà máy điện mặt trời Krông Pa, Nhà máy thủy điện Ayun Thượng 1A, Nhà máy điện mặt trời Hàm Phú 2, cổ phần của Tập đoàn tại Công Ty Cổ phần Điện Gió la Bang và các khoản tiền gửi (Thuyết minh 5)
	952.338.987.709	Thanh toán cho các chi phí hợp lý liên quan đến dự án đầu tư Nhà máy điện gió VPL Bến Tre giai đoạn 1	Từ ngày 24 tháng 5 năm 2026 đến ngày 24 tháng 8 năm 2035	Lãi suất cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8%/năm. Sau đó, lãi suất được định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam với thời hạn 12 tháng do Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai thông báo cộng biên lãi suất 3,1%/năm	Toàn bộ máy móc thiết bị bao gồm móng trụ turbine, tài sản gắn liền trên đất đã hình thành và Quyền tài sản phát sinh của Nhà máy điện Gió VPL Bến Tre giai đoạn 1, Nhà máy điện mặt trời Krông Pa, Nhà máy thủy điện Ayun Thượng 1A, Nhà máy điện mặt trời Hàm Phú 2, Nhà máy điện gió la Bang (Thuyết minh 11), cổ phần của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Năng Lượng VPL và các khoản tiền gửi (Thuyết minh 5)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

22. VAY (tiếp theo)

22.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Mục đích vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai					
	438.400.000.000	Đầu tư vào dự án nhà máy điện mặt trời Krông Pa	Từ ngày 9 tháng 5 năm 2026 đến ngày 9 tháng 11 năm 2030	Lãi suất cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8%/năm. Sau đó, lãi suất được định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam với thời hạn 12 tháng do Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai thông báo cộng biên lãi suất 2,6%/năm	Nhà máy điện mặt trời Krông Pa, các nhà máy thủy điện bao gồm Ayun Thượng 1A và Đak Pi Hao 1 (Thuyết minh 11) và bảo lãnh của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công - một bên liên quan
	319.200.000.000	Đầu tư vào dự án Nhà máy Điện mặt trời TTC - Hàm Phú 2.	Từ ngày 29 tháng 9 năm 2026 đến ngày 29 tháng 01 năm 2030	Lãi suất cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8%/năm. Sau đó, lãi suất được định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam với thời hạn 12 tháng do Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai thông báo cộng biên lãi suất 2,6%/năm	Tài sản và/hoặc quyền tài sản thuộc dự án Nhà máy điện mặt trời TTC-Hàm Phú 2 (Thuyết minh 11)
BIDV - Chi nhánh Gia Định					
	176.500.000.000	Đầu tư vào dự án nhà máy điện mặt trời Phong Điền	Từ ngày 13 tháng 4 năm 2026 đến ngày 12 tháng 4 năm 2029	Lãi suất trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,5%/năm. Sau đó, lãi suất định kỳ điều chỉnh 6 tháng/lần theo lãi suất cơ sở cộng biên lãi suất 2,3%/năm	Tài sản gắn liền với đất tại số đất 257, 258, Tờ bản đồ số 01 Điện Lộc, Phong Điền, Thành phố Huế và máy móc thiết bị (Thuyết minh 11)
	41.648.118.657	Đầu tư vào dự án nhà máy điện mặt trời kết hợp với nông nghiệp Trúc Sơn	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2025 đến ngày 25 tháng 3 năm 2029	Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần theo mức lãi suất công bố của BIDV - Chi nhánh Gia Định	Toàn bộ tài sản và quyền sử dụng đất thuộc các dự án điện mặt trời áp mái kết hợp nông nghiệp (Thuyết minh 11)
	35.958.248.293	Đầu tư vào các dự án nhà máy điện mặt trời áp mái kết hợp nông nghiệp dưới 1MWp	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2025 đến ngày 5 tháng 8 năm 2029	Lãi suất trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9,0% - 9,2%/năm. Sau đó, lãi suất định kỳ điều chỉnh 6 tháng/lần theo lãi suất cơ sở cộng biên lãi suất 3%/năm	Toàn bộ tài sản, các tài khoản và các quyền theo hợp đồng thuộc các dự án điện mặt trời áp mái kết hợp nông nghiệp (Thuyết minh 11)
	12.375.000.000	Đầu tư vào dự án Điện mặt trời áp mái Hậu Giang 3, Bàu Cạn 2 và Đại Ân 3	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2025 đến ngày 25 tháng 3 năm 2029	Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần theo mức lãi suất công bố của BIDV - Chi nhánh Gia Định	Tài sản cố định hữu hình của các dự án điện mặt trời áp mái Hậu Giang 3, Đại Ân 3, Bàu Cạn 2, quyền sử dụng đất của dự án Bàu Cạn 2 (Thuyết minh 11); và tài sản của các đối tác kinh doanh của Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

22. VAY (tiếp theo)

22.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Mục đích vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Vietcombank - Chi nhánh HCM	259.000.000.000	Thanh toán các chi phí hợp lý liên quan đến Dự án Nhà máy điện mặt trời TTC - Đức Huệ 1	Từ ngày 27 tháng 6 năm 2026 đến ngày 27 tháng 3 năm 2031	Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng cho mỗi kỳ trả nợ được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam với kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và được điều chỉnh 3 tháng/lần cộng với biên lãi suất 1,7%/năm cho năm đầu tiên và 3%/năm cho các năm tiếp theo	Dự án Điện mặt trời và quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Tập đoàn và Tập đoàn Điện lực Việt Nam của Dự án Nhà máy điện mặt trời TTC – Đức Huệ 1, Nhà máy Thủy điện Ayun Thượng 1A (<i>Thuyết minh 11</i>), quyền sở hữu và thư bảo lãnh của Tập đoàn
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	104.361.320.000	Thanh toán khoản vay với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2025 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	Lãi suất định kỳ điều chỉnh 6 tháng/lần theo bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 6 tháng (dành cho cá nhân) của các ngân hàng quốc doanh với biên độ lãi suất là 3,2%/năm	Tài sản gắn liền với đất và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất thuộc Dự án Điện mặt trời Trúc Sơn (<i>Thuyết minh 11</i>)
Ngân hàng TM TNHH E.Sun - CN Đồng Nai	54.166.666.669	Đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang dưới dạng vốn góp cho mục đích phát triển dự án điện gió Tân Phú Đông 1	Từ ngày 7 tháng 8 năm 2025 đến ngày 7 tháng 8 năm 2026	Lãi suất định kỳ điều chỉnh 6 tháng/lần theo bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam với kỳ hạn 6 tháng của 4 ngân hàng (Vietinbank, Vietcombank, BIDV và Agribank) với biên độ lãi suất là 3,6%/năm	Công trình Nhà máy Thủy điện Thượng Lộ có tổng diện tích xây dựng 3.291.5m2 trên khu đất có diện tích 44.283,9m2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thửa đất số 567 và 424, xã Khe Tre, Thành phố Huế (<i>Thuyết minh 11</i>)
TỔNG CỘNG	7.795.948.341.328				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	389.131.333.332				
Vay dài hạn	7.406.817.007.996				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

22. VAY (tiếp theo)

22.3 Trái phiếu dài hạn

Chi tiết khoản trái phiếu phát hành được trình bày như sau:

	VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Trái phiếu không chuyển đổi, bảo đảm bằng tài sản thanh toán, có bảo lãnh của bên thứ ba và được phát hành dưới hình thức ghi sổ (i)	135.000.000.000
Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền và bảo đảm bằng tài sản (ii)	290.000.000.000
Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền và bảo đảm bằng tài sản (iii)	200.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(5.506.264.522)
TỔNG CỘNG	619.493.735.478

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	75.000.000.000
Trái phiếu dài hạn	544.493.735.478

- (i) Thực hiện theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 2 năm 2018 và Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phát hành trái phiếu trên thị trường sơ cấp, Tập đoàn đã chỉ định Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam làm đại lý phát hành, đại lý đăng ký và đại lý quản lý chuyển nhượng liên quan đến phát hành trái phiếu với hạn mức 900 tỷ đồng được chia làm ba giai đoạn để đầu tư vào các dự án của Tập đoàn.

Trong đợt 1 phát hành ngày 20 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn đã phát hành 300 trái phiếu với mã trái phiếu GEG_BOND_2018_1, mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu và thời gian đáo hạn là trong vòng 10 năm, chia làm 10 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 1 năm. Tập đoàn có nghĩa vụ mua lại khoản gốc trái phiếu theo lịch cam kết này. Lãi suất áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 7,8%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo là lãi suất tham chiếu cộng biên lãi suất 2,6%/năm. Mục đích phát hành trái phiếu là để đầu tư vào Dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Điền và Dự án Nhà máy điện mặt trời Krông Pa. Cho đến ngày cuối kỳ, Tập đoàn đã hoàn thành việc mua lại 165 trái phiếu và sẽ hoàn thành việc mua lại 135 trái phiếu còn lại từ ngày 27 tháng 6 năm 2026 đến ngày 26 tháng 6 năm 2028.

Tài sản thế chấp để phát hành trái phiếu này bao gồm Dự án điện mặt trời Krông Pa, các Dự án thủy điện của Công ty bao gồm Ayun Thượng 1A và Đak PiHao 1 (Thuyết minh 11).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

22. VAY (tiếp theo)

22.3 Trái phiếu dài hạn (tiếp theo)

- (ii) Theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 5 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ với tổng giá trị trái phiếu phát hành tối đa là 300 tỷ đồng chia làm hai (2) đợt phát hành, cụ thể 100 tỷ đồng vào ngày 26 tháng 6 năm 2024 và 200 tỷ đồng vào ngày 26 tháng 8 năm 2024. Mục đích phát hành trái phiếu để tái cơ cấu lại nợ của Tổ chức phát hành.

Trong đợt 1 phát hành ngày 26 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn đã phát hành 1.000 trái phiếu với mã trái phiếu GEGH2429001 và mệnh giá 100 triệu đồng/trái phiếu, trong đợt 2 phát hành ngày 26 tháng 8 năm 2024, Tập đoàn đã phát hành 2.000 trái phiếu với mã trái phiếu GEGH2429003 và mệnh giá 100 triệu đồng/trái phiếu, trong cả hai đợt phát hành đều là loại trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và Tập đoàn đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam làm đại lý phát hành. Thời gian đáo hạn trái phiếu trong vòng 5 năm kể từ ngày phát hành, chia làm 5 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 1 năm. Tập đoàn có nghĩa vụ phải mua lại khoản gốc trái phiếu theo lịch cam kết này. Mục đích phát hành trái phiếu là để cơ cấu lại nợ của Tổ chức phát hành. Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 9,5%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo từ thứ 2 đến thứ 4) được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần và được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng biên lãi suất 3,9%/năm nhưng tối thiểu không thấp hơn 10%/năm, kỳ tính lãi thứ 5 là lãi suất tham chiếu cộng biên lãi suất 5,4%/năm nhưng tối thiểu không thấp hơn 11,5%/năm

Tài sản thế chấp để phát hành trái phiếu này gồm 61 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An và 20,8 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("GHC").

- (iii) Thực hiện theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng Quản trị về phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, Tập đoàn đã chỉ định Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam làm đại lý phát hành, hỗ trợ tư vấn đăng ký, lưu ký trái phiếu với tổng số trái phiếu phát hành là 2.000 trái phiếu với mã trái phiếu GEGH2427002. Mệnh giá mỗi trái phiếu là 100 triệu đồng/trái phiếu, là loại trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi. Mục đích phát hành trái phiếu là để cơ cấu lại nợ của Tổ chức phát hành. Lãi suất áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo là lãi suất tham chiếu cộng biên lãi suất 3,5%/năm nhưng tối thiểu không thấp hơn 9%/năm. Thời gian đáo hạn trái phiếu là 36 tháng kể từ ngày phát hành và sẽ đáo hạn vào ngày 28 tháng 6 năm 2027.

Tài sản thế chấp để phát hành trái phiếu này gồm 15 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hợp tác phát triển năng lượng tái tạo Vi-ja (Thuyết minh 11) và Dự án Nhà máy Thủy điện H'Chan của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("GHC").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

22. VAY (tiếp theo)

22.4 Nợ thuê tài chính

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2024		
	Tổng nợ thuê tài chính	Chi phí lãi thuê	Nợ gốc	Tổng nợ thuê tài chính	Chi phí lãi thuê	Nợ gốc
Dưới 1 năm	13.823.909.384	2.419.660.754	11.404.248.630	15.672.732.825	2.847.841.314	12.824.891.511
Từ 1 - 5 năm	30.179.435.343	2.998.582.805	27.180.852.538	36.161.158.726	3.988.503.273	32.172.655.453
TỔNG CỘNG	44.003.344.727	5.418.243.559	38.585.101.168	51.833.891.551	6.836.344.587	44.997.546.964

Thuê tài chính bao gồm các khoản thuê máy móc thiết bị với Công ty TNHH Một thành viên Cho Thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam.

Chi tiết các hợp đồng thuê tài chính dưới hình thức bán và thuê lại được thể hiện như sau:

Hợp đồng	Hình thức	Giá trị	Nợ gốc VND	Lãi suất	Thời hạn	Giá trị mua lại
88.20.01/CTTC ngày 26 tháng 6 năm 2020	Bán và thuê lại	7,14 tỷ đồng (80% giá trị tài sản thuê)	1.986.504.035	(*)	84 tháng kể từ ngày hợp đồng	9 triệu đồng
92.20.09/CTTC ngày 15 tháng 12 năm 2020	Bán và thuê lại	6,98 tỷ đồng (57% giá trị tài sản thuê)	767.758.617	(*)	60 tháng kể từ ngày hợp đồng	11,2 triệu đồng
77.20.05/CTTC ngày 30 tháng 12 năm 2020	Bán và thuê lại	7,57 tỷ đồng (70% giá trị tài sản thuê)	914.037.753	(*)	60 tháng kể từ ngày hợp đồng	11 triệu đồng
2024-00139-000 ngày 25 tháng 6 năm 2024	Bán và thuê lại	15,2 tỷ đồng (85% giá trị tài sản thuê)	10.344.436.777	(**)	60 tháng kể từ ngày hợp đồng	76 triệu đồng
2024-00140-000 ngày 25 tháng 6 năm 2024	Bán và thuê lại	16 tỷ đồng (85% giá trị tài sản thuê)	10.925.418.874	(**)	60 tháng kể từ ngày hợp đồng	80 triệu đồng
2024-00141-000 ngày 25 tháng 6 năm 2024	Bán và thuê lại	20 tỷ đồng (85% giá trị tài sản thuê)	13.646.945.112	(**)	60 tháng kể từ ngày hợp đồng	100 triệu đồng
TỔNG CỘNG			38.585.101.168			
Nợ thuê tài chính đến hạn trả			11.404.248.630			
Nợ thuê tài chính dài hạn			27.180.852.538			

(*) Lãi suất định kỳ theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cộng với biên độ lãi suất là 2,7%/năm.

(**) Lãi suất định kỳ theo bình quân của lãi suất tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của ba ngân hàng bao gồm Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Á Châu và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín cộng với biên độ lãi suất là 2,3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024						
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	4.054.494.010.000	20.700.057.484	96.354.085.823	178.508.233.688	1.417.266.004.987	5.767.322.391.982
Cổ tức cho cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	(20.038.104.000)	-	(20.038.104.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	111.122.239.053	16.381.204.177	127.503.443.230
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.069.083.643)	(232.066.406)	(4.301.150.049)
Sử dụng quỹ đầu tư, phát triển	-	-	(121.786.898)	-	-	(121.786.898)
Khác	-	-	-	-	(62.355.300)	(62.355.300)
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	4.054.494.010.000	20.700.057.484	96.232.298.925	265.523.285.098	1.433.352.787.458	5.870.302.438.965
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025						
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.225.083.710.000	20.700.057.484	96.180.413.885	83.075.403.683	1.339.449.437.426	5.764.489.022.478
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	544.061.594.937	226.599.273.049	770.660.867.986
Tăng do thay đổi quyền kiểm soát trong công ty con	-	-	-	(2.339.800)	2.339.800	-
Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi (*)	-	-	-	(19.260.000.000)	-	(19.260.000.000)
Chia cổ tức tại công ty con	-	-	-	6.369.354.377	(6.590.728.777)	(221.374.400)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	(18.710.373.878)	-	(18.710.373.878)
Khác	-	(110.000.000)	-	-	-	(110.000.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	4.225.083.710.000	20.590.057.484	96.180.413.885	595.533.639.319	1.559.460.321.498	6.496.848.142.186

(*) Cổ tức cổ phiếu ưu đãi đã được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025.

(**) Quỹ khen thưởng và phúc lợi đã được trích lập 5% từ lợi nhuận chưa phân phối, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 (Thuyết minh số 21).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Số lượng cổ phiếu (Cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phiếu (Cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Jera Asia Vietnam Holding Pte. Ltd.	125.756.637	35,10	125.756.637	35,10
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công	60.161.979	16,79	60.161.979	16,79
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	39.376.509	10,99	39.376.509	10,99
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	22.668.931	6,33	22.668.931	6,33
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa	18.912.980	5,28	18.912.980	5,28
Công ty Cổ phần KCN Thành Thành Công	13.740.838	3,83	13.740.838	3,83
Các cổ đông khác	77.690.497	21,68	77.690.497	21,68
TỔNG CỘNG	358.308.371	100,00	358.308.371	100,00

23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	4.225.083.710.000	4.054.494.010.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.4 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ phiếu được phép phát hành	422.508.371	422.508.371
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	358.308.371	358.308.371
<i>Cổ phiếu ưu đãi (*)</i>	64.200.000	64.200.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	358.308.371	358.308.371
<i>Cổ phiếu ưu đãi (*)</i>	64.200.000	64.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

(*) Cổ đông sở hữu các cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết này - Deutsche Investitions - und Entwicklungsgesellschaft mbH (DEG) có quyền chuyển đổi cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu phổ thông với giá thỏa thuận sau thời điểm 24 tháng và trước thời điểm 72 tháng kể từ thời điểm phát hành là ngày 22 tháng 12 năm 2022.

23.5 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế TNDN của công mẹ	544.061.594.937	111.122.239.053
<i>Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	(18.710.373.878)	(4.140.512.705)
<i>Trừ: Cổ tức cho cổ phần ưu đãi</i>	(19.260.000.000)	(20.038.104.000)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	506.091.221.059	86.943.622.348
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (<i>cổ phiếu</i>)	358.308.371	341.249.401
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.412	255

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty và các công ty con.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2025 của Công ty theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/2025/NQ-ĐHCD ngày 29 tháng 4 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Doanh thu bán điện (*) (**)	1.697.241.737.025	1.221.143.186.590
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.831.900.129	5.704.471.727
Doanh thu bán hàng hóa	1.021.360.000	-
TỔNG CỘNG	1.737.094.997.154	1.226.847.658.317
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với các bên liên quan	37.660.015.497	9.846.947.988
Doanh thu đối với các bên khác	1.699.434.981.657	1.217.000.710.329

(*) Ghi nhận doanh thu cho dự án Điện Mặt trời Trúc Sơn ("Trúc Sơn"):

Kể từ ngày vận hành thương mại, là ngày 14 tháng 6 năm 2019, ("ngày COD") như đã thống nhất với Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EPTC") theo điều khoản của Hợp đồng mua bán điện (và các phụ lục hợp đồng kèm theo), cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn đang ghi nhận doanh thu cho Trúc Sơn theo đơn giá ưu đãi 1 (FIT1) - 9,35 USDcent/kWh cho sản lượng điện bán ra của Trúc Sơn. Việc được hưởng ưu đãi giá FIT1 này là phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 12, Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2017 ("Quyết định 11") do Thủ tướng Chính phủ ban hành về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam.

Theo Thông báo Kết luận Thanh tra số 3116/TB-TTCP ngày 25 tháng 12 năm 2023, Thanh tra Chính phủ đề cập về việc EPTC công nhận ngày COD, đưa vào sử dụng đối với một số nhà máy điện mặt trời khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo hoặc Sở Công thương) kiểm tra công tác nghiệm thu và ra văn bản chấp thuận chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình xây dựng của chủ đầu tư, là vi phạm các quy định pháp luật có liên quan. Do đó, giá mua bán điện có thể bị đánh giá lại theo các quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Theo đó, ngày mà Tập đoàn nhận được Thông báo Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng do Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo ban hành cho dự án Trúc Sơn là 26 tháng 8 năm 2019. Do đó, có thể có ảnh hưởng đến giá FIT - 9,35 USDcent/kWh mà Tập đoàn đang áp dụng.

Từ tháng 1 năm 2025, EPTC đang tạm thanh toán tiền điện mua từ dự án Trúc Sơn cho Tập đoàn theo FIT2 - 7.08 USDcent/kWh.

Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các cơ quan có thẩm quyền chưa đưa ra kết luận cuối cùng về phương án xử lý cụ thể tiếp theo của vấn đề này. Do kết luận cuối cùng về vấn đề này chưa xác định được tại thời điểm hiện tại, không có điều chỉnh nào được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

24. DOANH THU (tiếp theo)

24.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (tiếp theo)

() Ghi nhận doanh thu bổ sung cho các nhà máy điện gió**

Từ tháng 5 năm 2023 đến tháng 2 năm 2025, Tập đoàn đã ghi nhận doanh thu đối với Nhà máy Điện gió Tân Phú Đông 1 dựa trên mức giá điện tạm thời là 907,975 VNĐ/KWh theo Phụ lục số 02 của Hợp đồng Mua bán điện ký ngày 20 tháng 5 năm 2023 giữa Tập Đoàn và Bên mua là Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EPTC"). Ngày 26 tháng 3 năm 2025, Tập đoàn đã ký Phụ lục số 03 của Hợp đồng mua bán điện ("PPA") với EPTC, trong đó thống nhất mức giá bán điện chính thức là 1.813 VNĐ/KWh và áp dụng từ tháng 5 năm 2023. Theo đó, phần chênh lệch giữa giá bán điện chính thức và giá tạm thời đã được Tập đoàn lập hóa đơn bổ sung một lần cho EPTC trong kỳ với giá trị là 443.172.249.219 VND.

Từ tháng 6 năm 2023 đến tháng 4 năm 2025, Tập đoàn ghi nhận doanh thu đối với trụ A7 của Nhà máy Điện gió VPL Bến Tre dựa trên mức giá điện tạm thời là 907,975 VNĐ/KWh theo Phụ lục số 02 của Hợp đồng Mua bán điện ký ngày 20 tháng 5 năm 2023 giữa Tập Đoàn và Bên mua là Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EPTC"). Ngày 20 tháng 5 năm 2025, Tập đoàn đã ký Phụ lục số 03 của Hợp đồng PPA với EPTC, trong đó thống nhất mức giá bán điện chính thức là 1.810 VNĐ/KWh và áp dụng từ tháng 6 năm 2023. Phần chênh lệch giữa giá bán điện chính thức và giá tạm thời đã được Tập đoàn lập hóa đơn bổ sung một lần cho EPTC trong kỳ với giá trị là 19.311.667.906 VND.

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	112.133.925.109	-
Lãi tiền gửi và cho vay	14.847.740.068	18.413.601.046
Khác	297.136.453	82.245.558
TỔNG CỘNG	127.278.801.630	18.495.846.604

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Giá vốn bán điện	604.008.739.131	555.368.697.842
Giá vốn cung cấp dịch vụ	33.220.540.514	4.645.413.893
Giá vốn hàng hóa	887.044.434	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	36.749.161.000
TỔNG CỘNG	638.116.324.079	596.763.272.735

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Lãi vay	342.811.633.942	405.153.864.033
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.007.366.664	2.256.515.003
Khác	15.865.634.046	7.047.278.352
TỔNG CỘNG	359.684.634.652	414.457.657.388

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Chi phí lương bộ phận quản lý	29.402.893.384	30.427.410.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.411.938.005	18.854.204.577
Công cụ, dụng cụ	5.434.592.580	5.519.569.762
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.075.628.266	3.724.602.833
Chi phí khác	20.803.692.612	14.107.388.997
TỔNG CỘNG	82.128.744.847	72.633.176.786

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11, 12 và 13)	401.934.268.791	402.986.326.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.912.429.160	116.003.836.834
Chi phí nhân công	63.313.935.793	60.836.698.498
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.731.287.412	15.001.055.638
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	36.749.161.000
Chi phí khác	43.353.147.770	37.819.371.145
TỔNG CỘNG	720.245.068.926	669.396.449.521

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế (cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: 20%).

Đối với các dự án đầu tư thủy điện, điện gió và điện mặt trời sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng dự án và các quy định về ưu đãi thuế TNDN theo Điều 23, Thông tư số 78/2014/TT-BTC – Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tóm tắt thuế suất ưu đãi còn hiệu lực cho các dự án của Tập đoàn vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau:

Công ty	Dự án	Ưu đãi thuế
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Nhà máy thủy điện Đăk PiHao 1	- Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (năm 2014); - Được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2014) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo.
	Nhà máy điện mặt trời Phong Điền	- Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (năm 2019); - Được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2019) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo.
	Nhà máy điện mặt trời Krông Pa	- Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (năm 2019); - Được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2019) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo.
Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai	Nhà máy điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2	- Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (năm 2019); - Được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2019) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo.
Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ	Nhà máy thủy điện Thượng Lộ	- Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (năm 2016); - Được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2016) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Tóm tắt thuế suất ưu đãi còn hiệu lực cho các dự án của Tập đoàn vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau: (tiếp theo)

<i>Công ty</i>	<i>Dự án</i>	<i>Ưu đãi thuế</i>
Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An	Nhà máy điện TTC Đức Huệ 1 – Long An	- Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ dự án bắt đầu hoạt động (năm 2019) và áp dụng mức thuế suất 17% cho các năm tiếp theo. - Được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2019) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo.
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	- Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (năm 2019) - Được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2019) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo.
Công ty Cổ phần Điện gió Ia Bang	Nhà máy điện gió Ia Bang 1	- Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ năm 2022; - Được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2022) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo.
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	Nhà máy điện gió VPL Bến Tre	- Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ năm 2022; - Được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2022) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo.
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang	Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1	- Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ năm 2024; - Được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2024) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo.
	Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 2	- Thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ năm 2022; - Được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2022) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	58.602.822.760	24.080.967.316
Dự phòng thiếu	1.517.272	3.263.937.377
(Thu nhập) chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(39.879.113.761)	3.096.575.476
TỔNG CỘNG	18.725.226.271	30.441.480.169

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con chênh lệch với lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế kỳ này. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành và các quy định về ưu đãi thuế TNDN đang áp dụng đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và thu nhập chịu thuế ước tính:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	789.386.094.257	157.944.923.399
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán:		
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản		
thuế TNDN hoãn lại	352.416.389	50.565.053.454
Chi phí không được khấu trừ	7.072.178.627	13.395.122.819
Các khoản chênh lệch tạm thời	(199.395.568.805)	15.482.877.380
Chênh lệch tạm thời mà không được		
ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	-	92.097.995.764
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	(44.632.176.172)	(43.392.692)
TỔNG CỘNG	552.782.944.296	329.442.580.124
Thuế tính ở thuế suất 20%	7.814.245.480	27.495.856.621
Thuế tính ở thuế suất 10%	70.988.343.925	19.196.329.703
	78.802.589.405	46.692.186.324
Thuế được miễn hoặc giảm	(60.078.880.406)	(19.514.643.532)
Dự phòng thiếu	1.517.272	3.263.937.377
Chi phí thuế TNDN	18.725.226.271	30.441.480.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Lợi nhuận chưa thực hiện	14.347.473.963	17.084.880.540	(2.737.406.577)	3.006.524.865
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư trích lập tại công ty con	(73.758.537)	(42.690.278.875)	42.616.520.338	(6.103.100.341)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	14.273.715.426	(25.605.398.335)		
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại			39.879.113.761	(3.096.575.476)

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Tập đoàn và các bên liên quan khác có giao dịch trọng yếu với Tập đoàn trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Jera Asia Vietnam Holdings Pte. Ltd. ("Jera Asia")	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công ("Đầu tư Thành Thành Công")	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa (Biên Hòa Consumer)	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Cổ đông lớn
Deutsche Investitions- und Entwicklungsgesellschaft mbH ("Deutsche Investitions")	Cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu ("Mía đường TTC Attapeu")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Agris Ninh Hòa ("Xuất nhập khẩu Agris Ninh Hòa")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam ("Thành Thành Nam")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC ("Lữ hành Quốc tế TTC")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc ("Chè Thành Ngọc")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Y tế DHA ("Y tế DHA")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân ("Toàn Hải Vân")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông nghiệp Tuần Hoàn TTC ("Nông nghiệp Tuần Hoàn TTC")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Ninh Hòa ("Năng lượng sạch Ninh Hòa")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Năng lượng sạch Ninh Thuận ("Năng lượng sạch Ninh Thuận")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công Ty CP Khu Công Nghiệp Thành Thành Công ("Khu Công Nghiệp Thành Thành Công")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công Ty CP Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín ("Sơn Tín")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Năng lượng TTC ("Năng lượng TTC")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công Ty Cổ phần Xây Dựng Và Kết Cấu Thép Đại Tín ("Đại Tín")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công Ty CP Khai Thác và Quản Lý KCN Đặng Huỳnh ("Đặng Huỳnh")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang ("Đường Biên Hòa - Phan Rang")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long ("Biên Hòa - Thành Long")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Năng lượng Solwind ("Solwind")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Điện gió Lavi (từ ngày 1 tháng 7 năm 2024) ("Điện gió Lavi")	Công ty con của công ty liên kết

Ngoài ra, các bên liên quan với Tập đoàn cũng bao gồm các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như được trình bày tại phần Thông tin chung của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Đầu tư Thành Thành Công	Mua hàng hóa và dịch vụ	17.403.522.000	17.868.204.816
Khu Công Nghiệp Thành Thành Công	Mua hàng hóa và dịch vụ	10.800.000	27.837.400
	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	6.413.222.107
Deutsche Investitions	Cổ tức cho cổ phần ưu đãi	19.260.000.000	20.038.104.000
	Mua hàng hóa và dịch vụ	6.463.534.702	-
	Nhận chi phí hỗ trợ	-	453.640.775
	Mua dịch vụ	-	860.314.299
Năng lượng TTC	Cung cấp dịch vụ	16.957.855.830	481.863.600
Sơn Tín	Thu hồi khoản cho vay	32.000.000.000	10.000.000.000
	Lãi cho vay	1.589.594.519	2.859.106.849
Thủy điện Trường Phú	Thu hồi khoản cho vay	180.900.000.000	-
	Lãi cho vay nhập gốc	4.826.649.314	-
	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.657.600	172.600.000
	Lãi cho vay	-	8.413.089.043
Thành Thành Nam	Mua dịch vụ	6.021.754.814	2.960.317.101
Đặng Huỳnh	Cung cấp dịch vụ	2.997.567.382	2.727.159.382
Lavi	Cung cấp dịch vụ	17.629.211.049	-
	Lãi cho vay	120.082.191	-
Đại Tín	Mua hàng hóa và dịch vụ	555.555.556	11.405.165.517
Xuất Nhập khẩu Tân Định	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	1.078.444.634
Lữ hành Quốc Tế TTC	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.151.058.706	813.269.932
Toàn Hải Vân	Trả trước mua tài sản cố định	-	416.921.736
Dịch vụ Y tế DHA	Trả trước phí dịch vụ	542.388.519	319.000.000
Năng lượng sạch Ninh Thuận	Thu hồi khoản cho vay	4.000.000.000	-
	Lãi cho vay	61.150.686	179.506.850

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Nông Nghiệp Tuấn Hoàn TTC	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.363.636	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	68.181.816
Mía đường TTC Attapeu	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.360.000	33.360.000
Chè Thành Ngọc	Mua hàng hóa và dịch vụ	853.883.092	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và Ban Tổng Giám đốc như sau:

		VND	
Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị			
Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch	300.000.000	300.000.000
Ông Toshihiro Oki	Thành viên	118.000.000	180.000.000
Ông Simon Mark Wilson	Thành viên	118.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Bà Phạm Thị Khuê	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Eiji Hagio	Thành viên	62.000.000	-
Ông Mark Houghton Scott Leslie	Thành viên	62.000.000	-
Lương và thưởng của Chủ tịch hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch	784.038.000	783.898.000
Bà Nguyễn Thái Hà	Tổng Giám đốc	1.254.252.000	1.254.287.000
Ông Lê Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc thường trực	988.938.000	988.938.000
Ông Nguyễn Phong Phú	Phó Tổng Giám đốc	735.078.000	735.113.000
Bà Trần Thị Hồng Thắm	Giám đốc tài chính	501.733.000	501.628.000
TỔNG CỘNG		5.644.039.000	5.643.864.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Năng lượng TTC	Cung cấp dịch vụ	15.865.510.596	180.452.016
Lavi	Cung cấp dịch vụ	1.000.000.000	1.998.000.000
Đặng Huỳnh	Cung cấp dịch vụ	207.016.370	161.056.068
Nông nghiệp Tuần hoàn TTC	Cung cấp dịch vụ	50.000.000	37.500.000
Xuất nhập khẩu Agris Ninh Hòa	Cung cấp dịch vụ	-	37.908.000
Mía đường Attapeu	Cung cấp dịch vụ	-	57.000.000
Nhiệt điện Ninh Hòa	Cung cấp dịch vụ	-	30.348.000
Năng lượng sạch Ninh Hòa	Cung cấp dịch vụ	-	8.748.000
Đường Biên Hòa - Phan Rang	Cung cấp dịch vụ	-	8.748.000
TỔNG CỘNG		17.122.526.966	2.519.760.084
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Đầu Tư Thành Thành Công	Sử dụng dịch vụ tư vấn	1.362.405.800	-
Y tế DHA	Mua dịch vụ	13.885.000	-
Xuất Nhập khẩu Tân Định	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	199.550.000
TỔNG CỘNG		1.376.290.800	199.550.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Sơn Tín	Cho vay	22.420.000.000	54.420.000.000
Lavi	Cho vay	3.000.000.000	3.000.000.000
Thủy điện Trường Phú	Cho vay	-	180.900.000.000
Năng Lượng Sạch Ninh Thuận	Cho vay	-	4.000.000.000
TỔNG CỘNG		25.420.000.000	242.320.000.000
Phải thu ngắn hạn khác			
Sơn Tín	Lãi cho vay	13.349.542.467	14.759.947.948
Thủy điện Trường Phú	Lãi cho vay	-	21.785.884.931
Năng Lượng Sạch Ninh Thuận	Lãi cho vay	-	1.945.890.418
TỔNG CỘNG		13.349.542.467	38.491.723.297
Phải thu dài hạn khác			
Thành Thành Nam	Đặt cọc thuê văn phòng	498.204.382	498.204.382
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Biên Hòa - Thành Long	Cung cấp dịch vụ	1.437.362.987	1.437.362.987

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải trả người bán ngắn hạn			
Đại Tín	Mua hàng hóa dịch vụ	600.000.000	600.000.000
Dịch vụ Y tế DHA	Mua hàng hóa dịch vụ	162.755.000	-
Thành Thành Nam	Mua hàng hóa dịch vụ	21.065.000	-
Khu Công Nghiệp Thành Thành Công	Mua hàng hóa dịch vụ	11.664.000	-
TỔNG CỘNG		795.484.000	600.000.000
Phải trả ngắn hạn khác			
Deutsche Investitions-	Cổ tức cho cổ phần ưu đãi	19.260.000.000	-

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Hoạt động sản xuất và bán điện: sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động bán hàng hóa: mua bán, nhập khẩu pin mặt trời và phụ tùng thiết bị ngành điện; và
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cung cấp các dịch vụ tư vấn bảo trì, vận hành các dự án thủy điện.

Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản tiền và tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ cho vay và đầu tư tài chính dài hạn.

Nợ phải trả không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu và lợi nhuận, tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tập đoàn như sau:

	<i>Hoạt động sản xuất và bán điện</i>	<i>Hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025				
Doanh thu				
Bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.697.241.737.025	39.853.260.129	-	1.737.094.997.154
Trong nội bộ Tập đoàn	-	23.683.016.939	(23.683.016.939)	-
Tổng doanh thu	1.697.241.737.025	63.536.277.068	(23.683.016.939)	1.737.094.997.154
Chi phí khấu hao TSCĐ	400.428.308.582	2.456.095.908	(950.135.699)	401.934.268.791
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận gộp của bộ phận	1.082.140.040.334	16.074.418.286	764.214.455	1.098.978.673.075
Chi phí không phân bổ				(82.128.744.847)
Doanh thu hoạt động tài chính				127.278.801.630
Chi phí tài chính				(359.684.634.652)
Lãi từ hoạt động liên kết				4.160.081.845
Lợi nhuận khác				781.917.206
Lợi nhuận trước thuế TNDN				789.386.094.257
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(58.604.340.032)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại				39.879.113.761
Lợi nhuận sau thuế TNDN				770.660.867.986
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	13.978.733.199.738	292.242.578.417	(5.518.442.614.712)	8.752.533.163.443
Tài sản không phân bổ				6.432.930.233.086
Tổng tài sản	13.978.733.199.738	292.242.578.417	(5.518.442.614.712)	15.185.463.396.529
Công nợ bộ phận	9.035.178.734.176	205.151.109.787	(552.000.000.000)	8.688.329.843.963
Công nợ không phân bổ				285.410.380
Tổng công nợ	9.035.178.734.176	205.151.109.787	(552.000.000.000)	8.688.615.254.343

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu và lợi nhuận, tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Tập đoàn như sau:

	<i>Hoạt động sản xuất và bán điện</i>	<i>Hoạt động cung cấp dịch vụ</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024				
Doanh thu				
Bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.221.143.186.590	5.704.471.727	-	1.226.847.658.317
Trong nội bộ Tập đoàn	-	34.971.847.600	(34.971.847.600)	-
Tổng doanh thu	1.221.143.186.590	40.676.319.327	(34.971.847.600)	1.226.847.658.317
Chi phí khấu hao TSCĐ	400.973.718.331	2.012.608.075	-	402.986.326.406
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận gộp của bộ phận	613.020.739.160	14.523.923.824	2.539.722.598	630.084.385.582
Chi phí không phân bổ				(72.633.176.786)
Doanh thu hoạt động tài chính				18.495.846.604
Chi phí tài chính				(414.457.657.388)
Lãi từ hoạt động liên kết				(2.653.684.401)
Lợi nhuận khác				(890.790.212)
Lợi nhuận trước thuế TNDN				157.944.923.399
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(27.344.904.693)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại				(3.096.575.476)
Lợi nhuận sau thuế TNDN				127.503.443.230
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	14.737.150.397.959	267.926.299.459	-	15.005.076.697.418
Tài sản không phân bổ				1.058.628.047.424
Tổng tài sản				16.063.704.744.842
Công nợ bộ phận	9.944.595.879.334	248.350.920.678	-	10.192.946.800.012
Công nợ không phân bổ				455.505.865
Tổng công nợ				10.193.402.305.877

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

32. CÁC CAM KẾT

32.1 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đến 1 năm	8.318.120.453	7.462.489.414
Từ 1 đến 5 năm	21.123.711.995	18.085.950.352
Trên 5 năm	147.757.997.442	99.073.008.275
TỔNG CỘNG	177.199.829.890	124.621.448.041

32.2 Cam kết góp vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn có cam kết góp vốn vào một số công ty như sau:

	VND		
	Số tiền cam kết sẽ góp	Số tiền đã thực góp	Số tiền còn phải góp
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tiền Giang	249.990.000.000	3.400.000.000	246.590.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tân Thành	199.800.000.000	17.000.000.000	182.800.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Xanh Cà Mau	149.900.000.000	1.900.000.000	148.000.000.000
TỔNG CỘNG	599.690.000.000	22.300.000.000	577.390.000.000

Theo quy định tại khoản 1, Điều 113 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, chủ sở hữu phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc hợp đồng đăng ký mua cổ phần quy định một thời hạn khác ngắn hơn. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đang trong quá trình hoàn tất góp đủ vốn điều lệ đã đăng ký cho các công ty này.

33. NỢ TIỀM TÀNG

Tập đoàn đang có một số hợp đồng thuê đất trực tiếp từ Nhà nước để phục vụ cho các dự án năng lượng của Tập đoàn. Theo như các điều khoản trong hợp đồng thuê đất này, việc giải quyết tài sản gắn liền tại các địa điểm thuê sau khi kết thúc hợp đồng này được thực hiện theo quy định pháp luật. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn đánh giá rằng nghĩa vụ tháo dỡ công trình, khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến các dự án năng lượng là chưa chắc chắn bởi vì căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành, Tập đoàn chưa xác định được liệu rằng Tập đoàn sẽ chịu chi phí tháo dỡ tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của Nhà nước hay Nhà nước sẽ thu hồi đất cùng với tài sản gắn liền với đất và có quyền sử dụng hoặc chuyển giao cho đơn vị thuê tiếp theo. Do đó, Tập đoàn chưa ghi nhận các khoản nghĩa vụ này do chưa thể ước tính một cách đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Gia Lai, Việt Nam
Ngày 15 tháng 8 năm 2025

 _____ Trương Nhật Thành Người lập	 _____ Trần Thị Hồng Thắm Kế toán trưởng	 _____ Nguyễn Thái Hà Tổng Giám đốc
--	--	---





Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 46

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 1 tháng 6 năm 2010 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 9 tháng 9 năm 2010. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được điều chỉnh gần nhất số 5900181213 cấp ngày 17 tháng 9 năm 2024 với mục đích cập nhật vốn điều lệ của Công ty.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 341/QĐ-SGDHCM ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Thông báo 1173/TB-SGDHCM ngày 10 tháng 9 năm 2019 của HOSE. Mã chứng khoán là GEG.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đắp đường và các công trình khác; tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ tư vấn kỹ thuật; và đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại số 114 Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam gồm năm (5) chi nhánh độc lập và hai (2) văn phòng đại diện, cụ thể như sau:

- Chi nhánh TTC Lâm Đồng tại Thôn 1, Xã Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Chư Prông tại số 268 Đường Hùng Vương, Xã Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Mang Yang tại Làng Ró, Xã Lơ Pang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Đăkpihao tại Quốc lộ 25, Thôn Thanh Thượng A, Xã Chư A Thai, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Thừa Thiên Huế tại số 189 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Việt Nam;
- Văn phòng đại diện TTC Hồ Chí Minh tại số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- Văn phòng đại diện TTC Hà Nội tại Nhà số 09, Ngõ 310, Ngách 22 Đường Nghi Tàm, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên độc lập	
Bà Nguyễn Thủy Vân	Thành viên độc lập	
Bà Phạm Thị Khuê	Thành viên độc lập	
Ông Eiji Hagio	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025
Ông Mark Houghton Scott Leslie	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Simon Mark Wilson	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025
Ông Toshihiro Oki	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thủy Vân	Chủ tịch
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên
Ông Eiji Hagio	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thái Hà	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Ông Nguyễn Phong Phú	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo là Ông Tân Xuân Hiên.

Bà Nguyễn Thái Hà được Ông Tân Xuân Hiên ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 131/2024/QĐ-CT.HĐQT ngày 8 tháng 8 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đề ngày 15 tháng 8 năm 2025.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11540951/69228882/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") được lập ngày 15 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đó vào ngày 15 tháng 8 năm 2024. Ngoài ra, báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng đã được doanh nghiệp kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 26 tháng 3 năm 2025.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		261.422.423.909	433.125.666.833
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	21.559.594.950	49.319.466.094
111	1. Tiền		21.559.594.950	38.319.466.094
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	11.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		3.500.000.000	6.400.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	3.500.000.000	6.400.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		182.943.873.050	316.452.879.543
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	115.098.856.833	90.539.112.334
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	4.345.574.702	3.576.756.423
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	168.900.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	64.317.150.150	54.254.719.421
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(817.708.635)	(817.708.635)
140	IV. Hàng tồn kho		51.775.348.301	59.261.895.124
141	1. Hàng tồn kho	9	51.775.348.301	59.261.895.124
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.643.607.608	1.691.426.072
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	1.634.344.952	1.691.426.072
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	9.262.656	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.169.766.106.423	6.107.774.578.490
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		456.494.540	472.456.420
216	1. Phải thu dài hạn khác		608.204.382	624.166.262
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(151.709.842)	(151.709.842)
220	II. Tài sản cố định		1.713.413.465.286	1.781.683.220.016
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.705.894.108.966	1.774.042.849.330
222	Nguyên giá		3.032.779.218.757	3.031.718.247.863
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.326.885.109.791)	(1.257.675.398.533)
227	2. Tài sản vô hình	12	7.519.356.320	7.640.370.686
228	Nguyên giá		18.742.439.944	18.742.439.944
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.223.083.624)	(11.102.069.258)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		4.129.772.728	4.129.772.728
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	4.129.772.728	4.129.772.728
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14	4.443.060.823.490	4.311.778.221.792
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.393.439.616.172	4.381.439.616.172
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		49.990.000.000	143.790.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(368.792.682)	(213.451.394.380)
260	V. Tài sản dài hạn khác		8.705.550.379	9.710.907.534
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	8.705.550.379	9.710.907.534
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.431.188.530.332	6.540.900.245.323

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.668.473.718.605	2.114.312.537.274
310	I. Nợ ngắn hạn		419.992.118.542	847.402.991.446
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		3.410.874.508	1.795.077.386
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.040.000.000	1.052.108.800
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	42.675.336.592	6.071.501.591
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	19.147.644.801	9.810.930.717
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		63.636.374	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	24.228.061.774	5.004.100.821
320	7. Vay ngắn hạn	18	308.390.476.130	811.614.187.471
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	21.036.088.363	12.055.084.660
330	II. Nợ dài hạn		1.248.481.600.063	1.266.909.545.828
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		149.999.998	277.272.726
337	2. Phải trả dài hạn khác		14.850.000	14.850.000
338	3. Vay dài hạn	18	1.246.427.068.815	1.264.686.368.817
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	20	1.889.681.250	1.931.054.285
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	21.1	4.762.714.811.727	4.426.587.708.049
410	I. Vốn chủ sở hữu		4.762.714.811.727	4.426.587.708.049
411	1. Vốn cổ phần		4.225.083.710.000	4.225.083.710.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		3.583.083.710.000	3.583.083.710.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		642.000.000.000	642.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.590.057.484	20.700.057.484
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		53.742.765.946	53.742.765.946
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		463.298.278.297	127.061.174.619
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		127.061.174.619	94.823.714.565
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		336.237.103.678	32.237.460.054
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.431.188.530.332	6.540.900.245.323

Trần Anh Tú
Người lập

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc



Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		410.256.870.556	12.240.476.698
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	69.977.467.515	71.507.242.526
03	(Hoàn nhập) các khoản dự phòng		(213.123.974.733)	30.405.807.708
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(26.818.285)	(36.439.550)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(208.480.651.496)	(73.691.287.024)
06	Chi phí lãi vay	24	75.325.018.793	115.095.129.272
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		133.927.912.350	155.520.929.630
09	Tăng các khoản phải thu		(52.151.613.659)	(54.681.961.663)
10	Giảm hàng tồn kho		7.486.546.823	1.720.795.504
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		14.386.930.236	(5.097.823.039)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		1.062.438.275	(5.029.050.276)
14	Tiền lãi vay đã trả		(76.758.458.780)	(114.795.830.580)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27.2	-	(3.084.884.635)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.729.370.175)	(5.665.500.444)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		18.224.385.070	(31.113.325.503)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(2.368.667.364)	(534.201.736)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		409.090.909	3.619.883.172
23	Tiền chi cho vay		(3.500.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		175.300.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(12.000.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		235.964.808.864	-
27	Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia		82.674.071.099	48.912.554.972
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		476.479.303.508	51.998.236.408

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	18	140.261.291.953	632.689.809.582
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(662.751.669.960)	(270.766.624.147)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(522.490.378.007)	361.923.185.435
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(27.786.689.429)	382.808.096.340
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		49.319.466.094	76.037.343.337
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		26.818.285	36.439.550
70	Tiền cuối kỳ	4	21.559.594.950	458.881.879.227

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2025


Trần Anh Tú
Người lập


Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng




Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 1 tháng 6 năm 2010 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 9 tháng 9 năm 2010. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được điều chỉnh gần nhất số 5900181213 cấp ngày 17 tháng 9 năm 2024 với mục đích cập nhật vốn điều lệ của Công ty.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 341/QĐ-SGDHCM ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Thông báo 1173/TB-SGDHCM ngày 10 tháng 9 năm 2019 của HOSE. Mã chứng khoán là GEG

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đắp đường và các công trình khác; tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ tư vấn kỹ thuật; và đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại số 114 Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam gồm năm (5) chi nhánh độc lập và hai (2) văn phòng đại diện, cụ thể như sau:

- Chi nhánh TTC Lâm Đồng tại Thôn 1, Xã Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Chư Prông tại số 268 Đường Hùng Vương, Xã Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Mang Yang tại Làng Ró, Xã Lơ Pang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Đăkpihao tại Quốc lộ 25, Thôn Thanh Thượng A, Xã Chư A Thai, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Thừa Thiên Huế tại số 189 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Việt Nam;
- Văn phòng đại diện TTC Hồ Chí Minh tại số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- Văn phòng đại diện TTC Hà Nội tại Nhà số 09, Ngõ 310, Ngách 22 Đường Nghi Tàm, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 281 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 279).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp, một (1) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết (tại 31 tháng 12 năm 2024: mười hai (12) công ty con trực tiếp, một (1) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết) như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

			Địa điểm	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu theo vốn điều lệ (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
					Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
(a) Công ty con trực tiếp								
1.	Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Sản xuất và phân phối điện	62,53	62,53	62,53	62,53	
2.	Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An	Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất và phân phối điện	99,92	99,92	99,92	99,92	
3.	Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và phân phối điện	54,93	54,93	54,93	54,93	
4.	Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và phân phối điện	99,96	99,96	99,96	99,96	
5.	Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	Tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất và phân phối điện	88,84	88,84	99,98	99,98	
6.	Công ty Cổ phần Điện gió Ia Bang	Tỉnh Gia Lai	Sản xuất và phân phối điện	84,72	84,72	99,53	99,53	
7.	Công ty TNHH Một thành viên Thủy Điện Thượng Lộ	Thành phố Huế	Sản xuất và phân phối điện	100,00	100,00	100,00	100,00	
8.	Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng tái tạo Vi-Ja	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và phân phối điện	99,00	99,00	99,00	99,00	
9.	Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tiền Giang (*)	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và phân phối điện	99,71	99,71	99,71	99,71	
10.	Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật điện có liên quan	100,00	100,00	100,00	100,00	
11.	Công ty Cổ phần Năng lượng Xanh Cà Mau (*)	Tỉnh Cà Mau	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	95,00	95,00	95,00	95,00	
12.	Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tân Thành (*) (i)	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và phân phối điện	98,84	96,15	98,84	96,15	
(b) Công ty con gián tiếp								
1.	Công ty Cổ phần Năng lượng điện Cao Nguyên	Tỉnh Đắk Lắk	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	99,99	99,99	99,99	99,99	
(c) Công ty liên kết								
1.	Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú (ii)	Thành phố Huế	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	-	25,09	-	25,09	
2.	Công ty Cổ phần Năng lượng Solwind	Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động tư vấn và quản lý điện có liên quan	49,99	49,99	49,99	49,99	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 26 tháng 5 năm 2025, Công ty đã thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tân Thành ("TTR") với số tiền là 12 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 99,99% của TTR.
- (ii) Theo trích yếu Nghị quyết HĐQT số 8A/2025/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2025, đã phê duyệt Công ty chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú ("Trường Phú") - công ty liên kết tương ứng 13.400.000 cổ phần chiếm 25,09% vốn điều lệ của Trường Phú. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng Công ty liên kết này.
- (*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty chưa góp đủ vốn vào các công ty con này. Chi tiết cam kết góp vốn được trình bày tại Thuyết minh số 29.2.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 15 tháng 8 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
và hàng hóa

Chi phí sản xuất dở dang giá vốn hàng hóa áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 48 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 20 năm
Thiết bị quản lý	3 – 10 năm
Quyền sử dụng đất	22 – 50 năm
Phần mềm máy tính	3 – 8 năm
Tài sản khác	1 – 20 năm

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp ngày 7 tháng 10 năm 2010, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 30 tháng 12 năm 2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 8 tháng 11 năm 2019.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản, cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm; và
- ▶ Chi phí trả trước khác.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có quyền đồng kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.14 *Dự phòng*

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.15 *Trái phiếu phát hành*

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

3.16 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.17 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Vốn góp của chủ sở hữu* (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu nếu Công ty không có nghĩa vụ phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó.

Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả nếu bắt buộc Công ty phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó tại một thời điểm đã được xác định trong tương lai và nghĩa vụ mua lại cổ phiếu được ghi rõ ngay trong hồ sơ phát hành tại thời điểm phát hành cổ phiếu.

3.18 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

► *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.19 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	-	21.086.305
Tiền gửi ngân hàng	21.559.594.950	38.298.379.789
Các khoản tương đương tiền	-	11.000.000.000
TỔNG CỘNG	21.559.594.950	49.319.466.094

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Số dư cuối kỳ bao gồm các khoản tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc từ ba (3) tháng trở lên và không quá một (1) năm và hưởng lãi suất tiền gửi 4,2%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bên thứ ba	115.048.856.833	90.358.860.334
- Công ty Mua Bán Điện	74.085.880.588	33.597.676.401
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	27.530.551.067	48.097.523.539
- Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam TNHH	11.931.011.776	7.240.190.682
- Các khách hàng khác	1.501.413.402	1.423.469.712
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	50.000.000	180.252.000
TỔNG CỘNG	115.098.856.833	90.539.112.334
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(817.708.635)	(817.708.635)
GIÁ TRỊ THUẦN	114.281.148.198	89.721.403.699

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bên thứ ba	2.983.168.902	3.401.006.423
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 5	990.000.000	990.000.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nam Xuân	840.456.000	-
- Công ty TNHH TMEIC Asia Thailand	-	1.769.516.640
- Các khách hàng khác	1.152.712.902	641.489.783
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	1.362.405.800	175.750.000
TỔNG CỘNG	4.345.574.702	3.576.756.423

8. PHẢI THU NGÁN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tạm ứng nhân viên (*)	61.415.026.279	34.027.326.938
Lãi tiền vay	20.479.411	57.072.835
Lãi cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	16.888.624.658
Khác	2.881.644.460	3.281.694.990
TỔNG CỘNG	64.317.150.150	54.254.719.421
Trong đó		
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	16.888.624.658
Bên thứ ba	64.317.150.150	37.366.094.763

(*) Đây là các khoản tạm ứng cho nhân viên để phục vụ hoạt động phát triển kinh doanh của Công ty.

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Hàng hóa	39.351.890.284	47.426.730.101
Nguyên vật liệu tồn kho	9.125.608.341	8.855.249.363
Công cụ, dụng cụ	2.487.752.386	2.169.808.744
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	724.232.719	724.242.345
Thành phẩm	85.864.571	85.864.571
TỔNG CỘNG	51.775.348.301	59.261.895.124

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	1.634.344.952	1.691.426.072
Bảo hiểm	140.626.199	362.815.861
Phần mềm	292.187.808	602.240.300
Khác	1.201.530.945	726.369.911
Dài hạn	8.705.550.379	9.710.907.534
Tiền thuê đất trả trước	6.792.909.773	6.915.901.109
Công cụ, dụng cụ và thiết bị văn phòng	531.071.938	416.378.574
Khác	1.381.568.668	2.378.627.851
TỔNG CỘNG	10.339.895.331	11.402.333.606

Biến động về chi phí trả trước trong năm như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	11.402.333.606	12.115.218.873
Tăng trong kỳ	8.550.733.498	10.221.115.550
Giảm trong kỳ	(9.613.171.773)	(5.192.065.274)
Số cuối kỳ	10.339.895.331	17.144.269.149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND					
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị quản lý</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.035.226.568.284	1.737.346.232.903	190.744.111.215	38.085.594.380	30.315.741.081	3.031.718.247.863
Mua mới trong kỳ	-	409.000.000	1.540.132.364	61.480.000	-	2.010.612.364
Tăng khác	-	333.915.751	-	-	-	333.915.751
Thanh lý	-	-	(636.363.636)	-	-	(636.363.636)
Giảm khác	-	(647.193.585)	-	-	-	(647.193.585)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	1.035.226.568.284	1.737.441.955.069	191.647.879.943	38.147.074.380	30.315.741.081	3.032.779.218.757
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	25.806.519.101	17.561.920.958	9.438.314.292	10.837.077.036	13.653.730.909	77.297.562.296
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(452.656.704.468)	(655.850.930.075)	(95.080.242.968)	(32.899.495.456)	(21.188.025.566)	(1.257.675.398.533)
Khấu hao trong kỳ	(20.358.648.822)	(43.033.085.531)	(4.143.711.779)	(1.318.393.619)	(1.002.613.398)	(69.856.453.149)
Thanh lý	-	-	601.277.731	-	-	601.277.731
Giảm khác	-	45.464.160	-	-	-	45.464.160
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(473.015.353.290)	(698.838.551.446)	(98.622.677.016)	(34.217.889.075)	(22.190.638.964)	(1.326.885.109.791)
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	582.569.863.816	1.081.495.302.828	95.663.868.247	5.186.098.924	9.127.715.515	1.774.042.849.330
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	562.211.214.994	1.038.603.403.623	93.025.202.927	3.929.185.305	8.125.102.117	1.705.894.108.966
<i>Trong đó:</i>						
<i>Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 18)</i>	417.731.300.121	993.153.067.258	72.827.809.128	3.020.029.540	4.768.331.665	1.491.500.537.712

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2025	8.791.098.397	9.734.602.363	216.739.184	18.742.439.944
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	-	9.734.602.363	216.739.184	9.951.341.547
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(1.156.769.381)	(9.728.560.693)	(216.739.184)	(11.102.069.258)
Hao mòn trong kỳ	(114.972.696)	(6.041.670)	-	(121.014.366)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(1.271.742.077)	(9.734.602.363)	(216.739.184)	(11.223.083.624)
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	7.634.329.016	6.041.670	-	7.640.370.686
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	7.519.356.320	-	-	7.519.356.320

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dự án Điện gió ngoài khơi kết hợp sản xuất khí hydrogen Đất Mũi	3.320.681.818	3.320.681.818
Dự án Điện mặt trời nổi Trị An – Đồng Nai	490.909.091	490.909.091
Khác	318.181.819	318.181.819
TỔNG CỘNG	4.129.772.728	4.129.772.728

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 14.1)	4.393.439.616.172	4.381.439.616.172
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.2)	49.990.000.000	143.790.000.000
TỔNG CỘNG	4.443.429.616.172	4.525.229.616.172
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(368.792.682)	(213.451.394.380)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.443.060.823.490	4.311.778.221.792

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	VND			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai (*)	544.162.584.932	-	544.162.584.932	-
Công ty Cổ phần Năng lượng điện gió Tiền Giang	1.360.624.800.000	-	1.360.624.800.000	(196.688.597.020)
Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An (*)	1.037.312.640.000	-	1.037.312.640.000	(2.925.430.748)
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	590.990.260.000	-	590.990.260.000	-
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	348.843.130.000	-	348.843.130.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió Ia Bang	258.000.000.000	-	258.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng tái tạo Vi - Ja (*)	148.500.000.000	-	148.500.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ	81.206.201.240	-	81.206.201.240	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tiền Giang	3.400.000.000	(189.346.349)	3.400.000.000	(190.161.233)
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Xanh Cà Mau	1.900.000.000	(82.837.299)	1.900.000.000	(79.207.180)
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái Tạo Tân Thành	17.000.000.000	(96.609.034)	5.000.000.000	(83.952.963)
TỔNG CỘNG	4.393.439.616.172	(368.792.682)	4.381.439.616.172	(199.967.349.144)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết về các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	VND			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Năng lượng Solwind	49.990.000.000	-	49.990.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	-	-	93.800.000.000	(13.484.045.236)
TỔNG CỘNG	49.990.000.000	-	143.790.000.000	(13.484.045.236)

(*) Các cổ phiếu đầu tư của Công ty tại Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An với số lượng là 61 triệu cổ phần, Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("GHC") với số lượng là 20,8 triệu cổ phần và Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng tái tạo Vi - Ja với số lượng là 15 triệu cổ phần đã được Công ty dùng làm tài sản thế chấp để phát hành trái phiếu của Công ty (Thuyết minh số 18).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết này chưa được xem xét và xác định chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ
Ngày 30 tháng 6 năm 2025			
Phải nộp			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	36.049.393.000	-
Thuế giá trị gia tăng	2.458.526.814	17.787.448.807	(16.419.842.566)
Thuế tài nguyên	2.033.196.255	4.812.408.709	(4.973.761.798)
Thuế thu nhập cá nhân	1.579.778.522	2.884.946.988	(3.536.904.134)
Các loại thuế và phí khác	-	4.966.619.874	(4.966.473.879)
TỔNG CỘNG	6.071.501.591	66.500.817.378	(29.896.982.377)
Phải thu			
Các loại thuế và phí khác	-	258.059.160	(248.796.504)
TỔNG CỘNG	-	258.059.160	(248.796.504)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí sửa chữa nhà máy	5.790.741.178	-
Chi phí lãi vay	4.446.909.839	6.887.716.490
Phí giám sát	3.210.000.000	-
Khác	5.699.993.784	2.923.214.227
TỔNG CỘNG	19.147.644.801	9.810.930.717

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ tức ưu đãi phải trả	19.260.000.000	-
Phí dịch vụ môi trường rừng	819.302.184	1.047.061.440
Cổ tức phải trả	398.834.076	398.834.076
Khác	3.749.925.514	3.558.205.305
TỔNG CỘNG	24.228.061.774	5.004.100.821

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

18. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Phân loại lại	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Vay ngắn hạn	811.614.187.471	15.261.291.953	(662.751.669.960)	144.266.666.666	-	308.390.476.130
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 18.1)	393.000.000.000	-	(264.000.000.000)	-	-	129.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 18.3)	108.733.333.332	-	(105.866.666.666)	89.266.666.666	-	92.133.333.332
Trái phiếu phát hành đến hạn trả (Thuyết minh số 18.5)	60.000.000.000	-	(40.000.000.000)	55.000.000.000	-	75.000.000.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)	38.209.574.140	15.261.291.953	(41.295.003.294)	-	-	12.175.862.799
Vay dài hạn bên thứ ba đến hạn trả (*)	211.590.000.000	-	(211.590.000.000)	-	-	-
Khác	81.279.999	-	-	-	-	81.279.999
Vay dài hạn	1.264.686.368.817	125.000.000.000	-	(144.266.666.666)	1.007.366.664	1.246.427.068.815
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.3)	666.200.000.003	-	-	(89.266.666.666)	-	576.933.333.337
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 18.5)	598.486.368.814	-	-	(55.000.000.000)	1.007.366.664	544.493.735.478
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 18.4)	-	125.000.000.000	-	-	-	125.000.000.000
TỔNG CỘNG	2.076.300.556.288	140.261.291.953	(662.751.669.960)	-	1.007.366.664	1.554.817.544.945

(*) Đây là khoản vay với Micro, Small & Medium Enterprises Bonds S.A với mục đích đầu tư vào các dự án xanh đủ điều kiện bao gồm dự án Tân Phú Đông 1 và các dự án xanh đủ điều kiện khác với lãi suất 9.5%/năm. Vào ngày 30 tháng 5 năm 2025, Công ty đã tắt toán toàn bộ khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Vay ngắn hạn bên liên quan

Chi tiết khoản vay ngắn hạn tín chấp bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Mục đích vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	<u>129.000.000.000</u>	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động	Ngày 4 tháng 10 năm 2025	6,0%

18.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Mục đích vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Gia Định	<u>12.175.862.799</u>	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho sản xuất điện	Từ ngày 2 tháng 2 đến ngày 12 tháng 3 năm 2026	Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất cho vay của BIDV	Tài sản gắn liền trên đất tại số đất 257, 258, Tờ bản đồ số 01 Điền Lộc, Phong Điền, Thừa Thiên Huế và máy móc thiết bị (Thuyết minh số 11)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

18. VAY (tiếp theo)

18.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Mục đích vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	438.400.000.000	Đầu tư vào Dự án Nhà máy điện mặt trời Krông Pa	Từ ngày 9 tháng 5 năm 2026 đến ngày 9 tháng 11 năm 2030	Lãi suất cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8%/năm. Sau đó, lãi suất được định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam với thời hạn 12 tháng do Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai thông báo cộng biên lãi suất 2,6%/năm	Nhà máy điện mặt trời Krông Pa, các Nhà máy thủy điện Ayun Thượng 1A và Đak PiHao 1 (Thuyết minh số 11). Ngoài ra, khoản vay có bảo lãnh của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công - một bên liên quan.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	176.500.000.000	Đầu tư vào Dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Điền	Từ ngày 13 tháng 4 năm 2026 đến 12 tháng 4 năm 2029	Lãi suất trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,5%/năm. Sau đó, lãi suất định kỳ điều chỉnh 6 tháng/lần theo lãi suất cơ sở cộng biên lãi suất 2,3%/năm	Nhà máy điện mặt trời Phong Điền bao gồm Quyền sử dụng đất có diện tích 449.980m ² (Thuyết minh 11) và tài sản gắn liền với đất tại số đất 257, 258, TĐB số 01 Điền Lộc, Phong Điền, Thừa Thiên Huế và máy móc thiết bị (Thuyết minh số 11).
Ngân hàng TM TNHH E.Sun - Chi nhánh Đồng Nai	54.166.666.669	Đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang dưới dạng vốn góp cho mục đích phát triển dự án điện gió Tân Phú Đông 1	Từ ngày 7 tháng 8 năm 2025 đến ngày 7 tháng 8 năm 2026	Lãi suất định kỳ điều chỉnh 6 tháng/lần theo bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam với kỳ hạn 6 tháng của 4 ngân hàng (Vietinbank, Vietcombank, BIDV và Agribank) với biên độ lãi suất là 3,6%/năm	Nhà máy thủy điện Thượng lộ bao gồm công trình có tổng diện tích xây dựng 3.291,5m ² trên khu đất có diện tích 44.283,9m ² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thửa đất số 567 và 424, xã Thượng Lộ, xã Hương Lộc, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.
TỔNG CỘNG	669.066.666.669				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	92.133.333.332				
Vay dài hạn	576.933.333.337				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

18. VAY (tiếp theo)

18.4 Vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết khoản vay dài hạn tin chấp từ các bên liên quan như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Mục đích vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An	70.000.000.000	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động	Ngày 26 tháng 6 năm 2027	7,0%
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	55.000.000.000	Bổ sung nhu cầu vốn lưu động	Từ ngày 9 tháng 4 năm 2027 đến ngày 25 tháng 6 năm 2027	7,0%
TỔNG CỘNG	125.000.000.000			

18.5 Trái phiếu dài hạn

Chi tiết khoản trái phiếu phát hành được trình bày như sau:

	VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Trái phiếu không chuyển đổi, bảo đảm bằng tài sản thanh toán, có bảo lãnh của bên thứ ba và được phát hành dưới hình thức ghi sổ (i)	135.000.000.000
Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền và bảo đảm bằng tài sản (ii)	290.000.000.000
Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền và bảo đảm bằng tài sản (iii)	200.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(5.506.264.522)
TỔNG CỘNG	619.493.735.478
Trong đó:	
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	75.000.000.000
Trái phiếu dài hạn	544.493.735.478

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

18. VAY (tiếp theo)

18.5 Trái phiếu dài hạn (tiếp theo)

- (i) Thực hiện theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 2 năm 2018 và Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Quản trị về việc phát hành trái phiếu trên thị trường sơ cấp, Công ty đã chỉ định Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam làm đại lý phát hành, đại lý đăng ký và đại lý quản lý chuyển nhượng liên quan đến việc phát hành trái phiếu với hạn mức 900 tỷ đồng được chia làm ba giai đoạn để đầu tư vào các dự án của Công ty.

Trong đợt 1 phát hành ngày 20 tháng 6 năm 2018, Công ty đã phát hành 300 trái phiếu với mã trái phiếu GEG_BOND_2018_1, mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu và thời gian đáo hạn là trong vòng 10 năm, chia làm 10 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 1 năm. Công ty có nghĩa vụ mua lại khoản gốc trái phiếu theo lịch cam kết này. Lãi suất áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 7,8%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo là lãi suất tham chiếu cộng biên lãi suất 2,6%/năm. Mục đích phát hành trái phiếu là để đầu tư vào Dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Điền và Dự án Nhà máy điện mặt trời Krông Pa. Đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty đã hoàn thành việc mua lại 165 trái phiếu và sẽ hoàn thành việc mua lại 135 trái phiếu còn lại từ ngày 26 tháng 6 năm 2026 đến ngày 26 tháng 6 năm 2028.

Tài sản thế chấp để phát hành trái phiếu này bao gồm Dự án điện mặt trời Krông Pa, các Dự án thủy điện của Công ty bao gồm Ayun Thượng 1A và Đak PiHao 1 (Thuyết minh số 11).

- (ii) Thực hiện theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Quản trị về phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, Công ty đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam làm đại lý phát hành liên quan đến phát hành trái phiếu với hạn mức 300 tỷ đồng được chia làm hai đợt phát hành để tái cơ cấu lại nợ của Công ty.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, Công ty đã phát hành đợt 1 với 1.000 trái phiếu với mã trái phiếu GEGH2429001 có mệnh giá 100 triệu đồng/trái phiếu. Ngày 26 tháng 8 năm 2024, Công ty đã phát hành đợt 2 với 2.000 trái phiếu với mã trái phiếu GEGH2429003 có mệnh giá 100 triệu đồng/trái phiếu. Trái phiếu trong cả hai đợt phát hành đều là loại trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi. Thời gian đáo hạn trái phiếu trong vòng 5 năm kể từ ngày phát hành, chia làm 5 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 1 năm. Công ty có nghĩa vụ phải mua lại khoản gốc trái phiếu theo lịch cam kết này. Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 9,5%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo từ thứ 2 đến thứ 4 được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần và được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng biên lãi suất 3,9%/năm nhưng tối thiểu không thấp hơn 10%/năm, từ kỳ tính lãi thứ 5 trở đi là lãi suất tham chiếu cộng biên lãi suất 5,4%/năm nhưng tối thiểu không thấp hơn 11,5%/năm.

Tài sản thế chấp để phát hành trái phiếu này gồm 61 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An và 20,8 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("GHC") (Thuyết minh số 14.1).

- (iii) Thực hiện theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng Quản trị về phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, Công ty đã chỉ định Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam làm đại lý phát hành, hỗ trợ tư vấn đăng ký, lưu ký trái phiếu với tổng số trái phiếu phát hành là 2.000 trái phiếu với mã trái phiếu GEGH2427002. Mệnh giá mỗi trái phiếu là 100 triệu đồng/trái phiếu, là loại trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi. Mục đích phát hành trái phiếu là để cơ cấu lại nợ của Công ty. Lãi suất áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm, các kỳ tính lãi tiếp theo là lãi suất tham chiếu cộng biên lãi suất 3,5%/năm nhưng tối thiểu không thấp hơn 9%/năm. Thời gian đáo hạn trái phiếu là 36 tháng kể từ ngày phát hành và sẽ đáo hạn vào ngày 28 tháng 6 năm 2027.

Tài sản thế chấp để phát hành trái phiếu này gồm 15 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hợp tác phát triển năng lượng tái tạo VI-JA (Thuyết minh số 14.1) và Dự án Nhà máy Thủy điện H'Chan của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("GHC").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

19. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

		VND
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Số đầu kỳ	12.055.084.660	14.088.002.575
Trích từ LNST chưa phân phối (Thuyết minh số 21)	18.710.373.878	505.103.668
Sử dụng quỹ trong kỳ	<u>(9.729.370.175)</u>	<u>(5.665.500.444)</u>
Số cuối kỳ	<u>21.036.088.363</u>	<u>8.927.605.799</u>

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn bao gồm dự phòng trợ cấp thôi việc của người lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

					VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	4.054.494.010.000	20.700.057.484	53.916.437.884	265.413.414.565	4.394.523.919.933
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	10.102.073.354	10.102.073.354
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(505.103.668)	(505.103.668)
Sử dụng quỹ đầu tư, phát triển	-	-	(121.786.898)	-	(121.786.898)
Cổ tức cho cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	(20.038.104.000)	(20.038.104.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	4.054.494.010.000	20.700.057.484	53.794.650.986	254.972.280.251	4.383.960.998.721
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.225.083.710.000	20.700.057.484	53.742.765.946	127.061.174.619	4.426.587.708.049
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	374.207.477.556	374.207.477.556
Cổ tức cho cổ phiếu ưu đãi (*)	-	-	-	(19.260.000.000)	(19.260.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	(18.710.373.878)	(18.710.373.878)
Khác	-	(110.000.000)	-	-	(110.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	4.225.083.710.000	20.590.057.484	53.742.765.946	463.298.278.297	4.762.714.811.727

(*) Cổ tức cổ phiếu ưu đãi đã được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025.

(**) Quỹ khen thưởng và phúc lợi đã được trích lập 5% từ lợi nhuận chưa phân phối, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 (Thuyết minh số 19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Số lượng cổ phiếu (Cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phiếu (Cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Jera Asia Vietnam Holding Pte. Ltd.	125.756.637	35,10	125.756.637	35,10
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	60.161.979	16,79	60.161.979	16,79
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	39.376.509	10,99	39.376.509	10,99
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	22.668.931	6,33	22.668.931	6,33
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa	18.912.980	5,28	18.912.980	5,28
Công ty Cổ phần KCN Thành Thành Công	13.740.838	3,83	13.740.838	3,83
Các cổ đông khác	77.690.497	21,68	77.690.497	21,68
TỔNG CỘNG	358.308.371	100,00	358.308.371	100,00

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	4.225.083.710.000	4.054.494.010.000

21.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ phiếu được phép phát hành	422.508.371	422.508.371
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	358.308.371	358.308.371
Cổ phiếu ưu đãi (*)	64.200.000	64.200.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	358.308.371	358.308.371
Cổ phiếu ưu đãi (*)	64.200.000	64.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

(*) Cổ đông sở hữu các cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết này - Deutsche Investitions - und Entwicklungsgesellschaft mbH (DEG) có quyền chuyển đổi cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu phổ thông với giá thỏa thuận sau thời điểm 24 tháng và trước thời điểm 72 tháng kể từ thời điểm phát hành là ngày 22 tháng 12 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Doanh thu bán điện	248.965.690.993	247.932.290.376
Doanh thu cung cấp thiết bị	10.406.967.639	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.330.524.810	14.519.456.640
TỔNG CỘNG	273.703.183.442	262.451.747.016
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	250.690.497.267	249.195.376.763
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 28)	23.012.686.175	13.256.370.253

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi chuyển nhượng cổ phần	142.353.026.352	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	59.828.625.600	62.417.644.700
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.924.994.540	11.273.642.324
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	30.048.803	36.439.550
Khác	237.143.835	3.857.206
TỔNG CỘNG	208.373.839.130	73.731.583.780

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Giá vốn bán điện	110.989.607.994	108.098.907.411
Giá vốn cung cấp thiết bị	10.110.161.778	-
Giá vốn dịch vụ cung cấp	4.174.807.405	3.970.777.001
TỔNG CỘNG	125.274.577.177	112.069.684.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi vay	74.317.652.129	112.838.614.269
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.007.366.664	2.256.515.003
(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(213.082.601.698)	30.515.501.708
Khác	15.861.602.703	6.933.513.270
TỔNG CỘNG	(121.895.980.202)	152.544.144.250

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.569.206.020	17.622.204.370
Chi phí lương	21.011.994.725	22.381.381.729
Công cụ, dụng cụ	4.978.269.684	5.134.372.757
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.822.385.106	3.105.238.343
Chi phí khác	15.278.899.904	10.517.897.493
TỔNG CỘNG	68.660.755.439	58.761.094.692

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	69.977.467.515	71.507.242.526
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.350.213.620	34.846.612.436
Chi phí nhân công	37.332.853.715	36.980.568.124
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.475.639.459	7.240.202.876
Chi phí khác	26.688.996.529	20.256.153.142
TỔNG CỘNG	183.825.170.838	170.830.779.104

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế. Riêng đối với các dự án đầu tư thủy điện và điện mặt trời sẽ áp dụng mức thuế suất và ưu đãi theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng dự án và các quy định về ưu đãi thuế TNDN theo Điều 23, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ("Thông tư 78") - Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN, cụ thể như sau:

- Đối với Nhà máy thủy điện Đăk Pihao 1: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong vòng mười lăm (15) năm, được miễn bốn (4) năm và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2014).
- Đối với Nhà máy điện mặt trời Phong Điền: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong vòng mười lăm (15) năm, được miễn bốn (4) năm và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2019).
- Đối với Nhà máy điện mặt trời Krông Pa: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong vòng 15 năm, được miễn bốn (4) năm và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2019).

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	36.049.393.000	2.138.403.344

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và thu nhập chịu thuế ước tính:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lợi nhuận kế toán trước thuế	410.256.870.556	12.240.476.698
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán:		
Chi phí không được khấu trừ	3.208.061.187	8.025.232.840
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	50.177.168.002
Lỗ năm trước chuyển sang	(44.632.176.172)	-
Thu nhập không chịu thuế	(59.828.625.600)	(62.417.644.700)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	309.004.129.971	8.025.232.840
Thuế suất 20%	32.615.495.701	1.365.046.568
Thuế suất 10%	6.867.794.600	120.000.000
	39.483.290.301	1.485.046.568
Thuế được miễn hoặc giảm	(3.433.897.301)	(60.000.000)
Dự phòng thiếu của các năm trước	-	713.356.776
Chi phí thuế TNDN	36.049.393.000	2.138.403.344

27.3 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 0 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 44.632.176.172 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

	VND			
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30/6/2025	Không Chưa chuyển lỗ được tại ngày chuyển lỗ 30/6/2025
2024	2029	44.632.176.172	(44.632.176.172)	-

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Tập đoàn và các bên liên quan khác có giao dịch với Tập đoàn trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Jera Asia Vietnam Holdings Pte, Ltd. ("Jera Asia")	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công ("Đầu tư Thành Thành Công")	Cổ đông lớn
Deutsche Investitions- und Entwicklungsgesellschaft mbH ("Deutsche Investitions")	Cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi
Công ty Cổ phần Điện gió Lavi (từ ngày 1 tháng 7 năm 2024) ("Điện gió Lavi")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng ("Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Du lịch Thành Thành Công")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu ("Mía đường TTC Attapeu")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình ("Du lịch Thanh Bình")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam ("Thành Thành Nam")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH Dịch vụ Quản lý Bất động sản Sài Gòn Thương Tín ("SACOMREAL-M")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tân Định ("Xuất Nhập khẩu Tân Định")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC ("Lữ hành Quốc tế TTC")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc ("Chè Thành Ngọc")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Y tế DHA ("Y tế DHA")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa ("Nhiệt điện Ninh Hòa")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH Du lịch TTC ("Du lịch TTC")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế ("Du lịch TTC Huế")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận ("Du lịch Đồng Thuận")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Viện Nghiên cứu và Đào tạo Quốc tế TTC	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận ("Toàn Thịnh Phát Bình Thuận")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân ("Toàn Hải Vân")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa (Biên Hòa Consumer)	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông nghiệp Tuần Hoàn TTC ("Nông nghiệp Tuần Hoàn TTC")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Chi nhánh Công ty TNHH Du Lịch TTC Lâm Đồng - Khách Sạn Ngọc Lan ("Khách Sạn Ngọc Lan")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Chi nhánh Công ty TNHH Du Lịch TTC Lâm Đồng - Khách Sạn TTC Imperial ("Khách Sạn TTC Imperial")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Ninh Hòa ("Năng lượng sạch Ninh Hòa")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Chi nhánh Công ty TNHH Du lịch TTC - TTC Palace Bình Thuận ("TTC Palace Bình Thuận")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Agris Ninh Hòa ("Xuất Nhập Khẩu Agris Ninh Hòa")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công Ty Cổ Phần Đường Biên Hòa - Phan Rang	Bên liên quan của cổ đông lớn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Tập đoàn và các bên liên quan khác có giao dịch với Tập đoàn trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("Thủy điện Gia Lai")	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An ("Điện TTC Đức Huệ - Long An")	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang ("Điện gió Tiền Giang")	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn ("Điện Mặt trời Trúc Sơn")	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL ("Năng lượng VPL")	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện gió Ia Bang ("Điện gió Ia Bang")	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ	Công ty con
Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng tái tạo Vi - Ja ("VI-JA")	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tiền Giang ("Năng lượng Tái tạo Tiền Giang")	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai ("Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai")	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng Xanh Cà Mau ("Năng lượng Xanh Cà Mau")	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tân Thành ("Năng lượng Tái tạo Tân Thành")	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng điện Cao Nguyên ("Năng lượng điện Cao Nguyên")	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú ("Thủy điện Trường Phú")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng Solwind ("Năng lượng Solwind")	Công ty liên kết

Ngoài ra, các bên liên quan với Tập đoàn cũng bao gồm các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như được trình bày tại phần Thông tin chung của Công ty.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Đầu tư Thành Thành Công	Mua hàng hóa, dịch vụ	17.403.522.000	17.868.204.816
Deutsche Investitions	Cổ tức cho cổ phần ưu đãi	19.260.000.000	20.038.104.000
	Mua dịch vụ	6.463.534.702	860.314.299
	Nhận chi phí hỗ trợ	-	453.640.775
Thủy điện Gia Lai	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.413.920.000	8.413.920.000
	Cung cấp thiết bị	927.585.309	-
Thủy điện Thượng Lộ	Lợi nhuận được chia	6.000.000.000	7.000.000.000
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.776.800	114.276.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Điện TTC Đức Huệ - Long An	Vay	70.000.000.000	39.000.000.000
	Cổ tức được chia	28.028.625.600	28.028.625.600
	Cung cấp thiết bị	948.102.330	-
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	776.160.000	776.160.000
	Lãi vay	57.534.247	1.125.698.630
	Trả nợ vay	-	10.000.000.000
Điện Mặt trời Trúc Sơn	Cổ tức được chia	-	24.419.019.100
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	760.320.000	760.320.000
Điện Gió Tiền Giang	Lãi cho vay	-	2.912.000.000
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.193.195.556	1.515.300.934
Năng lượng VPL	Vay	55.000.000.000	133.000.000.000
	Trả nợ vay	264.000.000.000	12.000.000.000
	Lãi vay	10.171.397.258	3.337.808.218
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	550.720.500	550.720.500
Điện Gió Ia Bang	Vay	-	57.000.000.000
	Cổ tức được chia	25.800.000.000	-
	Lãi vay	-	662.794.521
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	766.260.000	766.260.000
VI-JA	Vay	-	16.000.000.000
	Cổ tức được chia	-	2.970.000.000
	Cung cấp thiết bị	8.482.320.000	-
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	11.325.759
Năng lượng Điện Cao Nguyên	Vay	-	40.000.000.000
	Trả nợ vay	-	6.000.000.000
	Lãi vay	-	706.191.780
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.944.444	73.944.444
Thủy điện Trường Phú	Lãi cho vay	4.496.895.890	7.855.006.852
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.657.600	172.600.000
	Thu hồi khoản cho vay	168.900.000.000	-
Thành Thành Nam	Mua dịch vụ	6.015.194.814	2.945.167.101
Xuất Nhập khẩu Tân Định	Mua hàng hóa dịch vụ	-	886.766.384
Lữ hành Quốc Tế TTC	Mua hàng hóa dịch vụ	790.687.776	523.995.451

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Toàn Hải Vân	Trả trước mua tài sản cố định	-	416.921.736
Dịch vụ Y tế DHA	Trả trước phí dịch vụ	362.288.519	208.200.000
Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Mua hàng hóa dịch vụ	-	132.500.000
Nông Nghiệp Tuấn Hoàn TTC	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.363.636	68.181.816
Mía đường TTC Attapeu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.360.000	33.360.000
Chè Thành Ngọc	Mua hàng hóa và dịch vụ	631.220.215	-
Năng Lượng Tái Tạo Tân Thành	Góp vốn	12.000.000.000	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và Ban Tổng Giám đốc như sau:

		VND	
Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị			
Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch	300.000.000	300.000.000
Ông Toshihiro Oki	Thành viên	118.000.000	180.000.000
Ông Simon Mark Wilson	Thành viên	118.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Bà Phạm Thị Khuê	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Bà Nguyễn Thủy Vân	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Eiji Hagio	Thành viên	62.000.000	-
Ông Mark Houghton Scott Leslie	Thành viên	62.000.000	-
Lương và thưởng của Chủ tịch hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch	784.038.000	783.898.000
Bà Nguyễn Thái Hà	Tổng Giám đốc	1.254.252.000	1.254.287.000
Ông Lê Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc thường trực	988.938.000	988.938.000
Ông Nguyễn Phong Phú	Phó Tổng Giám đốc	735.078.000	735.113.000
Bà Trần Thị Hồng Thắm	Giám đốc tài chính	501.733.000	501.628.000
TỔNG CỘNG		5.644.039.000	5.643.864.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Xuất nhập khẩu Agris Ninh Hòa	Cung cấp dịch vụ	-	37.908.000
Mía đường TTC Attapeu	Cung cấp dịch vụ	-	57.000.000
Nông nghiệp Tuần hoàn TTC	Cung cấp dịch vụ	50.000.000	37.500.000
Nhiệt điện Ninh Hòa	Cung cấp dịch vụ	-	30.348.000
Năng lượng sạch Ninh Hòa	Cung cấp dịch vụ	-	8.748.000
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang	Cung cấp dịch vụ	-	8.748.000
TỔNG CỘNG		50.000.000	180.252.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Đầu Tư Thành Thành Công	Sử dụng dịch vụ tư vấn	1.362.405.800	-
Xuất Nhập khẩu Tân Định	Mua hàng hóa dịch vụ	-	175.750.000
TỔNG CỘNG		1.362.405.800	175.750.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Thủy điện Trường Phú	Cho vay	-	168.900.000.000
Phải thu ngắn hạn khác			
Thủy điện Trường Phú	Lãi cho vay	-	16.888.624.658
Phải thu dài hạn khác			
Thành Thành Nam	Đặt cọc thuê văn phòng	498.204.382	498.204.382
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long	Cung cấp dịch vụ	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay ngắn hạn			
Năng lượng VPL	Vay	184.000.000.000	393.000.000.000
Điện TTC Đức Huệ - Long An	Vay	70.000.000.000	-
		254.000.000.000	393.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn			
Dịch vụ Y tế DHA	Mua hàng hóa dịch vụ	154.750.000	-
Phải trả ngắn hạn khác			
Deutsche Investitions	Cổ tức cho cổ phần ưu đãi	19.260.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

29. CÁC CAM KẾT

29.1 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đến 1 năm	3.924.668.473	3.567.257.654
Từ 1 đến 5 năm	5.259.448.245	2.734.254.647
Trên 5 năm	24.052.312.924	24.234.721.321
TỔNG CỘNG	33.236.429.642	30.536.233.622

29.2 Cam kết góp vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có cam kết góp vốn vào một số công ty như sau:

	VND		
	Số tiền cam kết sẽ góp	Số tiền đã thực góp	Số tiền còn phải góp
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tiền Giang	249.990.000.000	3.400.000.000	246.590.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Tân Thành	199.800.000.000	17.000.000.000	182.800.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Xanh Cà Mau	149.900.000.000	1.900.000.000	148.000.000.000
TỔNG CỘNG	599.690.000.000	22.300.000.000	577.390.000.000

30. NỢ TIỀM TÀNG

Công ty đang có một số hợp đồng thuê đất trực tiếp từ Nhà nước để phục vụ cho các dự án năng lượng của Công ty. Theo như các điều khoản trong hợp đồng thuê đất này, việc giải quyết tài sản gắn liền tại các địa điểm thuê sau khi kết thúc hợp đồng này được thực hiện theo quy định pháp luật. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến các dự án năng lượng là chưa chắc chắn bởi vì căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành, Công ty chưa xác định được liệu rằng Công ty sẽ chịu chi phí tháo dỡ tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của Nhà nước hay Nhà nước sẽ thu hồi đất cùng với tài sản gắn liền với đất và có quyền sử dụng hoặc chuyển giao cho đơn vị thuê tiếp theo. Do đó, Công ty chưa ghi nhận các khoản nghĩa vụ này do chưa thể ước tính một cách đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2025



Trần Anh Tú
Người lập



Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng



Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc



EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 309/2025/CV-GEC

Gia Lai, ngày 25 tháng 08 năm 2025

V/v: Công bố thông tin về tình hình sử dụng số
tiền thu được từ việc chào bán trái phiếu

Kính gửi: - **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**
- **NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU**

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Công ty Cổ phần Điện Gia Lai gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về việc sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ tại báo cáo (kèm theo mẫu 3.4 của phụ lục này).

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Cần Xuân Hiến

*** Tài liệu kèm theo:**

- Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ. Báo cáo tình hình sử dụng vốn phải được kiểm toán theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP; doanh nghiệp gửi kèm theo ý kiến kiểm toán.

Gia Lai, ngày 25 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 09/09/2010, thay đổi lần thứ 24 ngày 17/09/2024
- Địa chỉ trụ sở chính: 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại: 0269 382 3604 - Số fax giao dịch: 0269 382 3635
- Địa chỉ thư điện tử: info@geccom.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện
- Mã số thuế: 5900181213

2. Mục đích sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu

- Căn cứ phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt tại:
 - Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 05/2018/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 02 năm 2018 (Mã trái phiếu GEG_BOND_2018_1)
 - Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 16/2024/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 05 năm 2024 (Mã trái phiếu GEGH2429001 và GEGH2429003)
 - Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 17/2024/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 06 năm 2024 (Mã trái phiếu GEGH2427002)

3. Tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu và tiến độ giải ngân số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp còn dư nợ:

- Kỳ báo cáo: 6 tháng năm 2025.

STT	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu	Mã trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2024 (ngày liền kề trước kỳ báo cáo) (đồng)	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trong kỳ báo cáo (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025) (đồng)	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày kết thúc kỳ báo cáo (đồng)
I.	Đối với các trái phiếu đã phát hành trước ngày Nghị định số 65/2022/NĐ-CP có hiệu lực và còn dư nợ				
1.	Chương trình/Dự án		300.000.000.000	-	300.000.000.000
	- Đầu tư vào dự án Điện mặt trời Phong Điền	GEG_BOND_2018_1	170.000.000.000	-	170.000.000.000
	- Đầu tư vào dự án Điện mặt trời Krong Pa	GEG_BOND_2018_1	130.000.000.000	-	130.000.000.000
II.	Đối với các trái phiếu phát hành từ ngày Nghị định số 65/2022/NĐ-CP có hiệu lực và còn dư nợ				
1.	Cơ cấu lại khoản nợ		500.000.000.000		500.000.000.000
	- Cơ cấu lại một phần giá trị Trái phiếu GEGB2124003 đáo hạn ngày 23/08/2024	GEGH2429001	100.000.000.000		100.000.000.000
	- Thanh toán cho một phần khoản gốc và/hoặc lãi của trái phiếu mà Công ty đã phát hành với mã GEGB2124003 đáo hạn vào ngày 23/08/2024	GEGH2427002	200.000.000.000		200.000.000.000
	- Cơ cấu lại một phần giá trị Trái phiếu GEGB2124002 đáo hạn ngày 11/10/2024	GEGH2429003	200.000.000.000		200.000.000.000
Tổng (I + II)			800.000.000.000		800.000.000.000

213
 TY
 IẢN
 A LẠI
 T. GIẤY

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của báo cáo nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)


Võ Thị Kim Nhung

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Tân Xuân Hiến



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ 06 THÁNG NĂM 2025
VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN**

Thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo
Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT của
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai
ngày 30 tháng 5 năm 2024
– Mã trái phiếu GEGH2429001

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN	7 – 10

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT của Công ty ngày 30/5/2024 đã được kiểm toán (sau đây gọi tắt là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn").

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên độc lập
Ông Mark Houghton Scott Leslie	Thành viên không điều hành (bổ nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Eiji Hagio	Thành viên không điều hành (bổ nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Toshihiro Oki	Thành viên không điều hành (miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Simon Mark Wilson	Thành viên không điều hành (miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên không điều hành
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên độc lập
Bà Phạm Thị Khuê	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thùy Vân	Chủ tịch
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên
Ông Eiji Hagio	Thành viên (bổ nhiệm ngày 06/6/2025)
Ông Simon Mark Wilson	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/4/2025)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thái Hà	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Ông Nguyễn Phong Phú	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn này là ông Tân Xuân Hiến, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thái Hà – Tổng Giám đốc được ông Tân Xuân Hiến ủy quyền ký Báo cáo tình hình sử dụng vốn được kiểm toán theo Giấy ủy quyền số 131/2024/QĐ-CT.HĐQT ngày 08/8/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn theo các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Trong việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn, Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn và áp dụng các chính sách thích hợp áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn;
- Thực hiện các ước tính hợp lý trong từng trường hợp và duy trì đầy đủ tài liệu sổ sách liên quan đến Báo cáo tình hình sử dụng vốn;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực và chính xác của những nội dung trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ sách kế toán, chứng từ kế toán được lập và ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT của Công ty ngày 30/5/2024.

Các báo cáo này được lập phù hợp với Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu đã được kiểm toán kèm theo phản ánh tình hình sử dụng vốn của Công ty phù hợp với Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT của Công ty ngày 30/5/2024 của Hội đồng Quản trị cũng như phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như trình bày tại Thuyết minh 2.1 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 8 năm 2025

Số: 174/2025/RSMHN-BCSDV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu
theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 30/5/2024

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tình hình sử dụng vốn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT ngày 30/5/2024 của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25/8/2025 gồm Báo cáo tình hình sử dụng vốn và Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn được trình bày từ trang 06 đến trang 10.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn phù hợp với các cơ sở được trình bày tại Thuyết minh 2.1 và chịu trách nhiệm về thiết kế và duy trì kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu, dù là do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chúng tôi tin rằng bằng chứng mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

SỨC MẠNH TỪ VIỆC THẤU HIỂU
KIỂM TOÁN | THUẾ | TƯ VẤN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 30/5/2024 phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như trình bày tại Thuyết minh 2.1 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn và các quy định pháp lý có liên quan.

Chính sách lập báo cáo và giới hạn về sử dụng báo cáo kiểm toán

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.1 "Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn" và Thuyết minh 2.3 "Mục đích sử dụng báo cáo", Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu của Công ty và đáp ứng yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.



Lê Đại Dương

Giám đốc Kiểm toán

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
4650-2021-026-1



Vũ Tất Ban

Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
5110-2025-026-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU THEO
NGHỊ QUYẾT SỐ 16/2024/NQ-HĐQT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI
NGÀY 30 THÁNG 5 NĂM 2024**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX")
Người sở hữu trái phiếu

1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Điện Gia Lai;
- Địa chỉ trụ sở chính: 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Số điện thoại: +84 269 3823604 Fax: +84 283 9998822
- Địa chỉ thư điện tử: info@geccom.vn;
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng;
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.

2. Mục đích sử dụng vốn theo phương án phát hành

Căn cứ phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 30/5/2024:

- Mã trái phiếu: GEGH2429001;
- Tổng khối lượng huy động từ phát hành trái phiếu (theo mệnh giá): 100.000.000.000 VND (bằng chữ: Một trăm tỷ đồng);
- Tổng khối lượng phát hành: 1.000 (một nghìn) trái phiếu, mệnh giá một trái phiếu phát hành: 100.000.000 VND (bằng chữ: Một trăm triệu đồng);
- Mục đích sử dụng vốn: Cơ cấu lại nợ của Công ty. Cụ thể, cơ cấu lại một phần giá trị trái phiếu GEGB2124003 theo Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 20/8/2021, đáo hạn ngày 23/8/2024;
- Ngày phát hành: 26/6/2024; Ngày đáo hạn: 26/6/2029;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2025 là 90.000.000.000 VND.

3. Tình hình sử dụng vốn và tiến độ giải ngân

Đối với mục đích sử dụng vốn để cơ cấu lại nợ:

STT	Mục đích sử dụng	Phương án phát hành		Thực tế	
		Thời gian giải ngân cho trái chủ	Tổng giá trị giải ngân (VND)	Thời gian giải ngân cho trái chủ	Tổng giá trị giải ngân (VND)
1	Cơ cấu lại một phần giá trị trái phiếu GEGB2124003 đáo hạn ngày 23/8/2024	Từ tháng 6 đến hết tháng 8/2024	100.000.000.000	23/8/2024	100.000.000.000
Tổng cộng			100.000.000.000		100.000.000.000



Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 8 năm 2025

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Võ Thị Kim Thùy
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 01/6/2010 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900181213 đăng ký lần đầu ngày 09/9/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai phê duyệt và điều chỉnh lần thứ 24 ngày 17/9/2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 341/QĐ-SGDHCM ngày 28/8/2019 và Thông báo số 1173/TB-SGDHCM ngày 10/9/2019 của HOSE.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 4.225.083.710.000 VND. Số lượng cổ phần là 422.508.371 cổ phần, mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực năng lượng, thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đắp đường và các công trình khác; Tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110kV trở xuống); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ tư vấn kỹ thuật và đầu tư tài chính.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các chi nhánh và văn phòng đại diện như sau:

STT	Tên	Địa điểm
I	Chi nhánh độc lập	
1	Chi nhánh TTC Lâm Đồng	Thôn 1, Xã Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
2	Chi nhánh TTC Chư Prông	Số 268 Đường Hùng Vương, Xã Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
3	Chi nhánh TTC Mang Yang	Làng Ró, Xã Lơ Pang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
4	Chi nhánh TTC Đăk Pí Hao	Quốc lộ 25, Thôn Thanh Thượng A, Xã Chư A Thai, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
5	Chi nhánh TTC Thừa Thiên Huế	Số 189 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Việt Nam
II	Văn phòng đại diện	
1	Văn phòng đại diện TTC Hồ Chí Minh	Số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
2	Văn phòng đại diện TTC Hà Nội	Nhà số 09, Ngõ 310, Ngách 22 Đường Nghi Tàm, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG (TIẾP)

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp)

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Địa điểm	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu theo vốn điều lệ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
I Công ty con đang hoạt động					
1	Công ty CP Thủy điện Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Sản xuất và phân phối điện	62,53	62,53
2	Công ty CP Điện TTC Đức Huệ - Long An	Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất và phân phối điện	99,92	99,92
3	Công ty CP Năng lượng Điện gió Tiền Giang	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và phân phối điện	54,93	54,93
4	Công ty CP Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và phân phối điện	99,96	99,96
5	Công ty CP Năng lượng VPL	Tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất và phân phối điện	88,84	99,98
6	Công ty CP Điện gió Ia Bang	Tỉnh Gia Lai	Sản xuất và phân phối điện	84,72	99,53
7	Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ	TP. Huế	Sản xuất và phân phối điện	100,00	100,00
8	Công ty CP Hợp tác Phát triển Năng lượng tái tạo VI-JA	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và phân phối điện	99,00	99,00
9	Công ty CP Năng lượng Tái tạo Tiền Giang	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và phân phối điện	99,71	99,71
10	Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật điện có liên quan	100,00	100,00
11	Công ty CP Năng lượng Xanh Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	95,00	95,00
12	Công ty CP Năng lượng Tái tạo Tân Thành	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và phân phối điện	98,84	98,84
II Công ty con gián tiếp					
1	Công ty CP Năng lượng điện Cao Nguyên	Tỉnh Đắk Lắk	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	99,00	99,99
III Công ty liên kết đang hoạt động					
1	Công ty CP Năng lượng Solwind	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động tư vấn và quản lý điện có liên quan	49,99	49,99

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO ĐỊNH KỲ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu được lập phù hợp với Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 30/5/2024 được lập trên các chứng từ pháp lý, các số liệu về sổ sách, báo cáo tài chính, tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Trong đó:

- Số tiền Công ty thu được từ đợt phát hành trái phiếu nêu trên được hạch toán ghi nhận theo số tiền thu thực tế;
- Số tiền chi từ nguồn vốn huy động thu được từ đợt phát hành trái phiếu nêu trên được ghi nhận theo số tiền giải ngân thực tế để cơ cấu lại một phần giá trị trái phiếu GEGB2124003 theo Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 20/8/2021, đáo hạn ngày 23/8/2024.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và kỳ báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 30/5/2024 được lập để báo cáo định kỳ cho 06 tháng đầu năm 2025.

2.3 Mục đích sử dụng báo cáo

Báo cáo định kỳ tình hình sử dụng vốn được lập và chỉ sử dụng để báo cáo định kỳ và công bố thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 30/5/2024.

Mục đích báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu tuân thủ theo các quy định:

- Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
- Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP;
- Thông tư 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu của Công ty và đáp ứng yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.

Báo cáo này nên được đọc một cách riêng rẽ và không liên quan tới toàn bộ báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI
114 Trường Chinh, Phường Pleiku,
Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN
Thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo
Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT ngày 30/5/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo

3. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn đòi hỏi điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo này.




Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 8 năm 2025

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Võ Thị Kim Thủy
Người lập



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ 06 THÁNG NĂM 2025
VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN**

Thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo
Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT của
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai
ngày 30 tháng 5 năm 2024
– Mã trái phiếu GEGH2429003

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN	7 – 10

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT của Công ty ngày 30/5/2024 đã được kiểm toán (sau đây gọi tắt là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn").

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên độc lập
Ông Mark Houghton Scott Leslie	Thành viên không điều hành (bổ nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Eiji Hagio	Thành viên không điều hành (bổ nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Toshihiro Oki	Thành viên không điều hành (miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Simon Mark Wilson	Thành viên không điều hành (miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên không điều hành
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên độc lập
Bà Phạm Thị Khuê	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thùy Vân	Chủ tịch
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên
Ông Eiji Hagio	Thành viên (bổ nhiệm ngày 06/6/2025)
Ông Simon Mark Wilson	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/4/2025)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thái Hà	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Ông Nguyễn Phong Phú	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn này là ông Tân Xuân Hiến, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thái Hà – Tổng Giám đốc được ông Tân Xuân Hiến ủy quyền ký Báo cáo tình hình sử dụng vốn được kiểm toán theo Giấy ủy quyền số 131/2024/QĐ-CT.HĐQT ngày 08/8/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn theo các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Trong việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn, Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn và áp dụng các chính sách thích hợp áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn;
- Thực hiện các ước tính hợp lý trong từng trường hợp và duy trì đầy đủ tài liệu sổ sách liên quan đến Báo cáo tình hình sử dụng vốn;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực và chính xác của những nội dung trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ sách kế toán, chứng từ kế toán được lập và ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT của Công ty ngày 30/5/2024.

Các báo cáo này được lập phù hợp với Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP; Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu đã được kiểm toán kèm theo phản ánh tình hình sử dụng vốn của Công ty phù hợp với Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT của Công ty ngày 30/5/2024 của Hội đồng Quản trị cũng như phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như trình bày tại Thuyết minh 2.1 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

Số: 173/2025/RSMHN-BCSDV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu
theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 30/5/2024

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tình hình sử dụng vốn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT ngày 30/5/2024 của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25/8/2025 gồm Báo cáo tình hình sử dụng vốn và Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn được trình bày từ trang 06 đến trang 10.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn phù hợp với các cơ sở được trình bày tại Thuyết minh 2.1 và chịu trách nhiệm về thiết kế và duy trì kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu, dù là do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chúng tôi tin rằng bằng chứng mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

SỨC MẠNH TỪ VIỆC THẤU HIỂU
KIỂM TOÁN | THUẾ | TƯ VẤN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 30/5/2024 phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như trình bày tại Thuyết minh 2.1 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn và các quy định pháp lý có liên quan.

Chính sách lập báo cáo và giới hạn về sử dụng báo cáo kiểm toán

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.1 "Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn" và Thuyết minh 2.3 "Mục đích sử dụng báo cáo", Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu của Công ty và đáp ứng yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.



Lê Đại Dương

Giám đốc Kiểm toán

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
4650-2021-026-1



Vũ Tất Ban

Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
5110-2025-026-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU THEO
NGHỊ QUYẾT SỐ 16/2024/NQ-HĐQT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI
NGÀY 30 THÁNG 5 NĂM 2024**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX")
Người sở hữu trái phiếu

1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Điện Gia Lai;
- Địa chỉ trụ sở chính: 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Số điện thoại: +84 269 3823604 Fax: +84 283 9998822
- Địa chỉ thư điện tử: info@geccom.vn;
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng;
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.

2. Mục đích sử dụng vốn theo phương án phát hành

Căn cứ phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 30/5/2024 và Công văn điều chỉnh thông tin mã trái phiếu số 308/2024/CV-GEC ngày 22/8/2024:

- Mã trái phiếu: GEGH2429003;
- Tổng khối lượng huy động từ phát hành trái phiếu (theo mệnh giá): 200.000.000.000 VND (bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng);
- Tổng khối lượng phát hành: 2.000 (hai nghìn) trái phiếu, mệnh giá một trái phiếu phát hành: 100.000.000 VND (bằng chữ: Một trăm triệu đồng);
- Mục đích sử dụng vốn: Cơ cấu lại nợ của Công ty. Cụ thể, cơ cấu một phần giá trị trái phiếu GEGB2124002 (mã giao dịch GEG121022) đang lưu hành của Tổ Chức Phát Hành, theo Quyết định số 149/2024/QĐ-CTHĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, ngày 20/8/2024;
- Ngày phát hành: 26/8/2024; Ngày đáo hạn: 26/8/2029;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2025 là 200.000.000.000 VND.

3. Tình hình sử dụng vốn và tiến độ giải ngân

Đối với mục đích sử dụng vốn để cơ cấu lại nợ:

STT	Mục đích sử dụng	Phương án phát hành		Thực tế	
		Thời gian giải ngân cho trái chủ	Tổng giá trị giải ngân (VND)	Thời gian giải ngân cho trái chủ	Tổng giá trị giải ngân (VND)
1	Cơ cấu lại một phần giá trị trái phiếu GEGB2124002 đáo hạn ngày 11/10/2024	Từ tháng 8/2024 đến hết tháng 10/2024	200.000.000.000	10/11/2024	200.000.000.000
Tổng cộng			200.000.000.000		200.000.000.000



Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 8 năm 2025

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Võ Thị Kim Thủy
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 01/6/2010 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900181213 đăng ký lần đầu ngày 09/9/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai phê duyệt và điều chỉnh lần thứ 24 ngày 17/9/2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 341/QĐ-SGDHCM ngày 28/8/2019 và Thông báo số 1173/TB-SGDHCM ngày 10/9/2019 của HOSE.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 4.225.083.710.000 VND. Số lượng cổ phần là 422.508.371 cổ phần, mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực năng lượng, thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đắp đường và các công trình khác; Tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110kV trở xuống); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ tư vấn kỹ thuật và đầu tư tài chính.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các chi nhánh và văn phòng đại diện như sau:

STT	Tên	Địa điểm
I	Chi nhánh độc lập	
1	Chi nhánh TTC Lâm Đồng	Thôn 1, Xã Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
2	Chi nhánh TTC Chư Prông	Số 268 Đường Hùng Vương, Xã Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
3	Chi nhánh TTC Mang Yang	Làng Ró, Xã Lơ Pang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
4	Chi nhánh TTC Đăk Pí Hao	Quốc lộ 25, Thôn Thanh Thượng A, Xã Chư A Thai, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
5	Chi nhánh TTC Thừa Thiên Huế	Số 189 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Việt Nam
II	Văn phòng đại diện	
1	Văn phòng đại diện TTC Hồ Chí Minh	Số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
2	Văn phòng đại diện TTC Hà Nội	Nhà số 09, Ngõ 310, Ngách 22 Đường Nghi Tàm, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG (TIẾP)

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp)

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Địa điểm	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu theo vốn điều lệ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
I	Công ty con đang hoạt động				
1	Công ty CP Thủy điện Gia	Tỉnh Gia Lai	Sản xuất và phân phối điện	62,53	62,53
2	Công ty CP Điện TTC Đức Huệ - Long An	Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất và phân phối điện	99,92	99,92
3	Công ty CP Năng lượng Điện gió Tiền Giang	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và phân phối điện	54,93	54,93
4	Công ty CP Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và phân phối điện	99,96	99,96
5	Công ty CP Năng lượng	Tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất và phân phối điện	88,84	99,98
6	Công ty CP Điện gió Ia	Tỉnh Gia Lai	Sản xuất và phân phối điện	84,72	99,53
7	Công ty TNHH MTV Thủy điện Thượng Lộ	TP. Huế	Sản xuất và phân phối điện	100,00	100,00
8	Công ty CP Hợp tác Phát triển Năng lượng Tái tạo VI-	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và phân phối điện	99,00	99,00
9	Công ty CP Năng lượng Tái tạo Tiền Giang	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và phân phối điện	99,71	99,71
10	Công ty TNHH MTV Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật điện có liên quan	100,00	100,00
11	Công ty CP Năng lượng xanh Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	95,00	95,00
12	Công ty CP Năng lượng Tái tạo Tân Thành	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và phân phối điện	98,84	98,84
II	Công ty con gián tiếp				
1	Công ty CP Năng lượng điện Cao Nguyên	Tỉnh Đắk Lắk	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	99,00	99,99
III	Công ty liên kết đang hoạt động				
1	Công ty CP Năng lượng Solwind	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động tư vấn và quản lý điện có liên quan	49,99	49,99

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO ĐỊNH KỲ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu được lập phù hợp với Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 30/05/2024 được lập trên các chứng từ pháp lý, các số liệu về sổ sách, báo cáo tài chính, tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Trong đó:

- Số tiền Công ty thu được từ đợt phát hành trái phiếu nêu trên được hạch toán ghi nhận theo số tiền thu thực tế;
- Số tiền chi từ nguồn vốn huy động thu được từ đợt phát hành trái phiếu nêu trên được ghi nhận theo số tiền giải ngân thực tế để cơ cấu một phần giá trị trái phiếu GEGB2124002 (mã giao dịch GEG121022) đang lưu hành của Tổ Chức Phát Hành, theo Quyết định số 149/2024/QĐ-CTHĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, ngày 20 tháng 8 năm 2024.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và kỳ báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 30/05/2024 được lập để báo cáo định kỳ cho 6 tháng đầu năm 2025.

2.3 Mục đích sử dụng báo cáo

Báo cáo định kỳ tình hình sử dụng vốn được lập và chỉ sử dụng để báo cáo định kỳ và công bố thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 30/5/2024.

Mục đích báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu tuân thủ theo các quy định:

- Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
- Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.
- Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu của Công ty và đáp ứng yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.

Báo cáo này nên được đọc một cách riêng rẽ và không liên quan tới toàn bộ báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo

3. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn đòi hỏi điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo này.



Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 8 năm 2025

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Võ Thị Kim Thùy
Người lập



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN**

Thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo

Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐQT của

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

ngày 05 tháng 02 năm 2018

– Mã trái phiếu GEG_BOND_2018_1

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN	7 – 10



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐQT của Công ty ngày 05/02/2018 đã được kiểm toán (sau đây gọi tắt là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn").

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên độc lập
Ông Mark Houghton Scott Leslie	Thành viên không điều hành (bổ nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Eiji Hagio	Thành viên không điều hành (bổ nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Toshihiro Oki	Thành viên không điều hành (miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Simon Mark Wilson	Thành viên không điều hành (miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên không điều hành
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên độc lập
Bà Phạm Thị Khuê	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thùy Vân	Chủ tịch
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên
Ông Eiji Hagio	Thành viên (bổ nhiệm ngày 06/6/2025)
Ông Simon Mark Wilson	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/4/2025)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thái Hà	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Ông Nguyễn Phong Phú	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn này là ông Tân Xuân Hiến, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thái Hà – Tổng Giám đốc được ông Tân Xuân Hiến ủy quyền ký Báo cáo tình hình sử dụng vốn được kiểm toán theo Giấy ủy quyền số 131/2024/QĐ-CT.HĐQT ngày 08/8/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn theo các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Trong việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn, Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn và áp dụng các chính sách thích hợp áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn;
- Thực hiện các ước tính hợp lý trong từng trường hợp và duy trì đầy đủ tài liệu sổ sách liên quan đến Báo cáo tình hình sử dụng vốn;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực và chính xác của những nội dung trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ sách kế toán, chứng từ kế toán được lập và ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐQT của Công ty ngày 05/02/2018.

Các báo cáo này được lập phù hợp với Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, được thay thế bởi Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 và Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu đã được kiểm toán kèm theo phản ánh tình hình sử dụng vốn của Công ty phù hợp với Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐQT của Công ty ngày 05/02/2018 của Hội đồng Quản trị cũng như phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như trình bày tại Thuyết minh 2.1 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

Số: 176/2025/RSMHN-BCSDV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu
theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 05/02/2018

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tình hình sử dụng vốn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐQT ngày 05/02/2018 của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25/8/2025 gồm Báo cáo tình hình sử dụng vốn và Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn được trình bày từ trang 06 đến trang 10.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn phù hợp với các cơ sở được trình bày tại Thuyết minh 2.1 và chịu trách nhiệm về thiết kế và duy trì kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu, dù là do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chúng tôi tin rằng bằng chứng mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

SỨC MẠNH TỪ VIỆC THẤU HIỂU
KIỂM TOÁN | THUẾ | TƯ VẤN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 05/02/2018 phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như trình bày tại Thuyết minh 2.1 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn và các quy định pháp lý có liên quan.

Chính sách lập báo cáo và giới hạn về sử dụng báo cáo kiểm toán

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.1 "Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn" và Thuyết minh 2.3 "Mục đích sử dụng báo cáo", Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu của Công ty và đáp ứng yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.



Lê Đại Dương

Giám đốc Kiểm toán

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
4650-2021-026-1

Vũ Tất Ban

Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
5110-2025-026-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU THEO
NGHỊ QUYẾT SỐ 05/2018/NQ-HĐQT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI
NGÀY 05 THÁNG 02 NĂM 2018**

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX")**
Người sở hữu trái phiếu

1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Điện Gia Lai;
- Địa chỉ trụ sở chính: 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Số điện thoại: +84 269 3823604 Fax: +84 283 9998822
- Địa chỉ thư điện tử: info@geccom.vn;
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng;
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.

2. Mục đích sử dụng vốn theo phương án phát hành

Căn cứ phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 05/02/2018:

- Mã trái phiếu: GEG_BOND_2018_1;
- Tổng khối lượng huy động từ phát hành trái phiếu (theo mệnh giá): 300.000.000.000 VND (bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng);
- Tổng khối lượng phát hành: 300 (ba trăm) trái phiếu, mệnh giá một trái phiếu phát hành: 1.000.000.000 VND (bằng chữ: Một tỷ đồng);
- Mục đích sử dụng vốn: Công ty dự kiến sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu cho các mục đích sau: Thực hiện chương trình, dự án đầu tư của Doanh nghiệp. Cụ thể: (1) Đầu tư vào dự án Điện mặt trời Phong Điền; (2) Đầu tư vào dự án Điện mặt trời Krong Pa;
- Ngày phát hành 29/6/2018; Ngày đáo hạn 29/6/2028;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2025 là 135.000.000.000 VND.

3. Tình hình sử dụng vốn và tiến độ giải ngân

Đối với mục đích sử dụng vốn để đầu tư chương trình, dự án:

STT	Mục đích sử dụng	Phương án phát hành		Thực tế	
		Thời gian giải ngân	Tổng giá trị giải ngân (VND)	Thời gian giải ngân	Tổng giá trị giải ngân (VND)
1	Đầu tư dự án		300.000.000.000		300.000.000.000
1.1	Đầu tư vào dự án Điện mặt trời Phong Điền	Không chi tiết	Không chi tiết	Quý III/2018	170.000.000.000
1.2	Đầu tư vào dự án Điện mặt trời Krong Pa	Không chi tiết	Không chi tiết	Quý IV/2018	130.000.000.000
2	Cơ cấu lại nguồn vốn		-		-
Tổng cộng			300.000.000.000		300.000.000.000



Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 8 năm 2025

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Võ Thị Kim Thùy
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở sở hữu cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 01/6/2010 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900181213 đăng ký lần đầu ngày 09/9/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai phê duyệt và điều chỉnh lần thứ 24 ngày 17/9/2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 341/QĐ-SGDHCM ngày 28/8/2019 và Thông báo số 1173/TB-SGDHCM ngày 10/9/2019 của HOSE.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 4.225.083.710.000 VND. Số lượng cổ phần là 422.508.371 cổ phần, mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực năng lượng, thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đắp đường và các công trình khác; Tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110kV trở xuống); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ tư vấn kỹ thuật và đầu tư tài chính.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các chi nhánh và văn phòng đại diện như sau:

STT	Tên	Địa điểm
I	Chi nhánh độc lập	
1	Chi nhánh TTC Lâm Đồng	Thôn 1, Xã Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
2	Chi nhánh TTC Chư Prông	Số 268 Đường Hùng Vương, Xã Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
3	Chi nhánh TTC Mang Yang	Làng Rô, Xã Lơ Pang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
4	Chi nhánh TTC Đăk Pí Hao	Quốc lộ 25, Thôn Thanh Thượng A, Xã Chư A Thai, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
5	Chi nhánh TTC Thừa Thiên Huế	Số 189 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Việt Nam
II	Văn phòng đại diện	
1	Văn phòng đại diện TTC Hồ Chí Minh	Số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
2	Văn phòng đại diện TTC Hà Nội	Nhà số 09, Ngõ 310, Ngách 22 Đường Nghi Tàm, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG (TIẾP)

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp)

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Địa điểm	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu theo vốn điều lệ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
I	Công ty con đang hoạt động				
1	Công ty CP Thủy điện Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Sản xuất và phân phối điện	62,53	62,53
2	Công ty CP Điện TTC Đức Huệ - Long An	Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất và phân phối điện	99,92	99,92
3	Công ty CP Năng lượng Điện gió Tiền Giang	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và phân phối điện	54,93	54,93
4	Công ty CP Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và phân phối điện	99,96	99,96
5	Công ty CP Năng lượng VPL	Tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất và phân phối điện	88,84	99,98
6	Công ty CP Điện gió Ia Bang	Tỉnh Gia Lai	Sản xuất và phân phối điện	84,72	99,53
7	Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ	TP. Huế	Sản xuất và phân phối điện	100,00	100,00
8	Công ty CP Hợp tác Phát triển Năng lượng tái tạo VI-JA	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và phân phối điện	99,00	99,00
9	Công ty CP Năng lượng Tái tạo Tiền Giang	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và phân phối điện	99,71	99,71
10	Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật điện có liên quan	100,00	100,00
11	Công ty CP Năng lượng Xanh Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	95,00	95,00
12	Công ty CP Năng lượng Tái tạo Tân Thành	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và phân phối điện	98,84	98,84
II	Công ty con gián tiếp				
1	Công ty CP Năng lượng điện Cao Nguyên	Tỉnh Đắk Lắk	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	99,00	99,99
III	Công ty liên kết đang hoạt động				
1	Công ty CP Năng lượng Solwind	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động tư vấn và quản lý điện có liên quan	49,99	49,99

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO ĐỊNH KỲ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu được lập phù hợp với Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, được thay thế bởi Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 và Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 05/02/2018 được lập trên các chứng từ pháp lý, các số liệu về sổ sách, báo cáo tài chính, tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Trong đó:

- Số tiền Công ty thu được từ đợt phát hành trái phiếu nêu trên được hạch toán ghi nhận theo số tiền thu thực tế;
- Số tiền chi từ nguồn vốn huy động thu được từ đợt phát hành trái phiếu nêu trên được ghi nhận theo số tiền giải ngân thực tế cho các hoạt động đầu tư theo nội dung của Bản công bố thông tin phát hành trái phiếu.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và kỳ báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 05/02/2018 được lập để báo cáo định kỳ cho 06 tháng đầu năm 2025.

2.3 Mục đích sử dụng báo cáo

Báo cáo định kỳ tình hình sử dụng vốn được lập và chỉ sử dụng để báo cáo định kỳ và công bố thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 05/02/2018.

Mục đích báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu tuân thủ theo các quy định:

- Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, được thay thế bởi Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018;
- Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
- Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO ĐỊNH KỲ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU (TIẾP)

2.3 Mục đích sử dụng báo cáo (tiếp)

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu của Công ty và đáp ứng yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.

Báo cáo này nên được đọc một cách riêng rẽ và không liên quan tới toàn bộ báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai.

3. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn đòi hỏi điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo này.



Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 8 năm 2025

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Võ Thị Kim Thùy
Người lập



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ 06 THÁNG NĂM 2025
VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo
Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐQT của
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai
ngày 12 tháng 6 năm 2024
– Mã trái phiếu GEGH2427002

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN	7 – 10

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐQT của Công ty ngày 12/6/2024 đã được kiểm toán (sau đây gọi tắt là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn").

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên độc lập
Ông Mark Houghton Scott Leslie	Thành viên không điều hành (bỏ nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Eiji Hagio	Thành viên không điều hành (bỏ nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Toshihiro Oki	Thành viên không điều hành (miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Simon Mark Wilson	Thành viên không điều hành (miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên không điều hành
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên độc lập
Bà Phạm Thị Khuê	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thùy Vân	Chủ tịch
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên
Ông Eiji Hagio	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 06/6/2025)
Ông Simon Mark Wilson	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/4/2025)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thái Hà	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Ông Nguyễn Phong Phú	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn này là ông Tân Xuân Hiến, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thái Hà – Tổng Giám đốc được ông Tân Xuân Hiến ủy quyền ký Báo cáo tình hình sử dụng vốn được kiểm toán theo Giấy ủy quyền số 131/2024/QĐ-CT.HĐQT ngày 08/8/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn theo các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Trong việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn, Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn và áp dụng các chính sách thích hợp áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn;
- Thực hiện các ước tính hợp lý trong từng trường hợp và duy trì đầy đủ tài liệu sổ sách liên quan đến Báo cáo tình hình sử dụng vốn;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực và chính xác của những nội dung trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ sách kế toán, chứng từ kế toán được lập và ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐQT của Công ty ngày 12/6/2024.

Các báo cáo này được lập phù hợp với Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu đã được kiểm toán kèm theo phản ánh tình hình sử dụng vốn của Công ty phù hợp với Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐQT của Công ty ngày 12/6/2024 của Hội đồng Quản trị cũng như phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như trình bày tại Thuyết minh 2.1 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

Số: 175/2025/RSMHN-BCSDV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu
theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 12/6/2024

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tình hình sử dụng vốn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐQT ngày 12/6/2024 của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25/8/2025 gồm Báo cáo tình hình sử dụng vốn và Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn được trình bày từ trang 06 đến trang 10.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn phù hợp với các cơ sở được trình bày tại Thuyết minh 2.1 và chịu trách nhiệm về thiết kế và duy trì kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu, dù là do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chúng tôi tin rằng bằng chứng mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

SỨC MẠNH TỪ VIỆC THẤU HIỂU
KIỂM TOÁN | THUẾ | TƯ VẤN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 12/6/2024 phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như trình bày tại Thuyết minh 2.1 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn và các quy định pháp lý có liên quan.

Chính sách lập báo cáo và giới hạn về sử dụng báo cáo kiểm toán

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.1 "Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn" và Thuyết minh 2.3 "Mục đích sử dụng báo cáo", Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu của Công ty và đáp ứng yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.



Lê Đại Dương

Giám đốc Kiểm toán

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
4650-2021-026-1

Vũ Tất Ban

Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
5110-2025-026-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU THEO
NGHỊ QUYẾT SỐ 17/2024/NQ-HĐQT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI
NGÀY 12 THÁNG 6 NĂM 2024**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX")
Người sở hữu trái phiếu

1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Điện Gia Lai;
- Địa chỉ trụ sở chính: 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Số điện thoại: +84 269 3823604 Fax: +84 283 9998822
- Địa chỉ thư điện tử: info@geccom.vn;
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng;
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.

2. Mục đích sử dụng vốn theo phương án phát hành

Căn cứ phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 12/6/2024:

- Mã trái phiếu: GEGH2427002;
- Tổng khối lượng huy động từ phát hành trái phiếu (theo mệnh giá): 200.000.000.000 VND (bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng);
- Tổng khối lượng phát hành: 2.000 (hai nghìn) trái phiếu; mệnh giá một trái phiếu phát hành: 100.000.000 VND (bằng chữ: Một trăm triệu đồng);
- Mục đích sử dụng vốn: Cơ cấu lại nợ của Công ty. Cụ thể, toàn bộ số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được Công ty thanh toán cho một phần khoản gốc và/hoặc lãi của trái phiếu mà Công ty đã phát hành với mã GEGB2124003 theo Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 20/8/2021, đáo hạn ngày 23/8/2024;
- Ngày phát hành: 28/6/2024; Ngày đáo hạn: 28/6/2027;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2025 là 200.000.000.000 VND.

3. Tình hình sử dụng vốn và tiến độ giải ngân

Đối với mục đích sử dụng vốn để cơ cấu lại nợ:

STT	Mục đích sử dụng	Phương án phát hành		Thực tế	
		Thời gian giải ngân cho trái chủ	Tổng giá trị giải ngân (VND)	Thời gian giải ngân cho trái chủ	Tổng giá trị giải ngân (VND)
1	Thanh toán cho một phần khoản gốc và/hoặc lãi của trái phiếu mà Công ty đã phát hành với mã GEGB2124003 đáo hạn ngày 23/8/2024	Quý III năm 2024	200.000.000.000	23/8/2024	200.000.000.000
Tổng cộng			200.000.000.000		200.000.000.000



Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 8 năm 2025

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Võ Thị Kim Thùy
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 01/6/2010 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900181213 đăng ký lần đầu ngày 09/9/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai phê duyệt và điều chỉnh lần thứ 24 ngày 17/9/2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 341/QĐ-SGDHCM ngày 28/8/2019 và Thông báo số 1173/TB-SGDHCM ngày 10/9/2019 của HOSE.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 4.225.083.710.000 VND. Số lượng cổ phần là 422.508.371 cổ phần, mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực năng lượng, thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập dâng, đắp đường và các công trình khác; Tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110kV trở xuống); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ tư vấn kỹ thuật và đầu tư tài chính.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các chi nhánh và văn phòng đại diện như sau:

STT	Tên	Địa điểm
I	Chi nhánh độc lập	
1	Chi nhánh TTC Lâm Đồng	Thôn 1, Xã Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
2	Chi nhánh TTC Chư Prông	Số 268 Đường Hùng Vương, Xã Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
3	Chi nhánh TTC Mang Yang	Làng Ró, Xã Lơ Pang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
4	Chi nhánh TTC Đăk Pí Hao	Quốc lộ 25, Thôn Thanh Thượng A, Xã Chư A Thai, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
5	Chi nhánh TTC Thừa Thiên Huế	Số 189 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Việt Nam
II	Văn phòng đại diện	
1	Văn phòng đại diện TTC Hồ Chí Minh	Số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
2	Văn phòng đại diện TTC Hà Nội	Nhà số 09, Ngõ 310, Ngách 22 Đường Nghi Tâm, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG (TIẾP)

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp)

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Địa điểm	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu theo vốn điều lệ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
I	Công ty con đang hoạt động				
1	Công ty CP Thủy điện Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Sản xuất và phân phối điện	62,53	62,53
2	Công ty CP Điện TTC Đức Huệ - Long An	Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất và phân phối điện	99,92	99,92
3	Công ty CP Năng lượng Điện gió Tiền Giang	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và phân phối điện	54,93	54,93
4	Công ty CP Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và phân phối điện	99,96	99,96
5	Công ty CP Năng lượng VPL	Tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất và phân phối điện	88,84	99,98
6	Công ty CP Điện gió Ia Bang	Tỉnh Gia Lai	Sản xuất và phân phối điện	84,72	99,53
7	Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ	TP. Huế	Sản xuất và phân phối điện	100,00	100,00
8	Công ty CP Hợp tác Phát triển Năng lượng tái tạo VI-JA	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và phân phối điện	99,00	99,00
9	Công ty CP Năng lượng Tái tạo Tiền Giang	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và phân phối điện	99,71	99,71
10	Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật điện có liên quan	100,00	100,00
11	Công ty CP Năng lượng Xanh Cà Mau	Tỉnh Cà Mau	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	95,00	95,00
12	Công ty CP Năng lượng Tái tạo Tân Thành	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và phân phối điện	98,84	98,84
II	Công ty con gián tiếp				
1	Công ty CP Năng lượng điện Cao Nguyên	Tỉnh Đắk Lắk	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	99,00	99,99
III	Công ty liên kết đang hoạt động				
1	Công ty CP Năng lượng Solwind	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động tư vấn và quản lý điện có liên quan	49,99	49,99

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO ĐỊNH KỲ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu được lập phù hợp với Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP; Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 12/6/2024 được lập trên các chứng từ pháp lý, các số liệu về sổ sách, báo cáo tài chính, tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Trong đó:

- Số tiền Công ty thu được từ đợt phát hành trái phiếu nêu trên được hạch toán ghi nhận theo số tiền thu thực tế;
- Số tiền chi từ nguồn vốn huy động thu được từ đợt phát hành trái phiếu nêu trên được ghi nhận theo số tiền giải ngân thực tế để cơ cấu lại một phần khoản gốc và/hoặc lãi của trái phiếu mà Công ty đã phát hành với mã GEGB2124003 theo Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 20/8/2021, đáo hạn ngày 23/8/2024.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và kỳ báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 12/6/2024 được lập để báo cáo định kỳ cho 06 tháng đầu năm 2025.

2.3 Mục đích sử dụng báo cáo

Báo cáo định kỳ tình hình sử dụng vốn được lập và chỉ sử dụng để báo cáo định kỳ và công bố thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu theo Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ngày 12/6/2024.

Mục đích báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu tuân thủ theo các quy định:

- Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
- Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu của Công ty và đáp ứng yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.

Báo cáo này nên được đọc một cách riêng rẽ và không liên quan tới toàn bộ báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo

3. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn đòi hỏi điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo này.



Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 8 năm 2025

Trần Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Võ Thị Kim Thùy
Người lập

